



**BAKER TILLY  
A&C**

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN A&C  
A&C AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.**



**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT  
NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2015**

**CÔNG TY CỔ PHẦN  
KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN  
BÌNH DƯƠNG**

## BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần kinh doanh và phát triển Bình Dương (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 bao gồm Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty và các công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”).

### Khái quát về Công ty

Công ty cổ phần kinh doanh và phát triển Bình Dương được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Bộ phận kinh doanh bán buôn và bán lẻ trực thuộc Công ty thương mại đầu tư và phát triển Bình Dương (nay là Tổng Công ty đầu tư và phát triển công nghiệp - TNHH một thành viên) theo Quyết định số 30/2002/QĐ-UB ngày 20 tháng 3 năm 2002 của Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh Bình Dương. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận doanh nghiệp số 3700413826 (số cũ là 4603000041), đăng ký lần đầu ngày 26 tháng 3 năm 2002 và đăng ký thay đổi lần thứ 19 ngày 03 tháng 02 năm 2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp.

### Trụ sở chính

- Địa chỉ : Số 26 - 27, lô I, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương
- Điện thoại : (84 – 650) 2 220 666 – 2 220 677
- Fax : (84 – 650) 2 220 678

Hoạt động kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là:

- Đầu tư xây dựng và kinh doanh cơ sở hạ tầng khu dân cư, khu công nghiệp;
- Cho thuê nhà xưởng, nhà ở, nhà văn phòng;
- Kinh doanh bất động sản;
- Đại lý phân phối hàng hóa cho các nhà sản xuất trong và ngoài nước;
- Môi giới bất động sản; tư vấn bất động sản; đấu giá bất động sản;
- Quảng cáo bất động sản;
- Quản lý bất động sản;
- Sàn giao dịch bất động sản (trừ định giá bất động sản);
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Sản xuất các sản phẩm kim loại cho xây dựng và kiến trúc;
- Hoạt động của các tổ chức khác chưa được phân vào đâu;
- Tổ chức các trận thi đấu bóng đá;
- Quảng cáo thông qua các hình thức thể thao;
- Mua bán thiết bị điện dân dụng – công nghiệp, phụ tùng ngành công nghiệp điện, thiết bị cơ – điện lạnh, thiết bị phòng cháy chữa cháy, thiết bị báo cháy, thiết bị chống trộm, thiết bị quan sát;
- Mua bán máy móc, thiết bị điện;
- Nhập khẩu và mua bán các thiết bị thể dục thể thao;
- Mua bán vật liệu xây dựng;
- Mua bán hóa chất (trừ hóa chất bảng 1 theo công ước quốc tế);
- Xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp;
- Gia công, chế biến đá xây dựng;
- Sản xuất bê tông cốt thép đúc sẵn;
- Sản xuất cầu kiện bằng thép;
- Sản xuất các sản phẩm kim loại cho xây dựng và kiến trúc;
- Thiết kế tổng mặt bằng xây dựng công trình;
- Thiết kế kiến trúc công trình dân dụng và công nghiệp; Thiết kế nội – ngoại thất công trình;
- Lập dự án đầu tư;
- Thiết kế công trình điện dân dụng, công nghiệp;

# CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

## BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)

- Thiết kế xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật;
- Đầu tư tài chính;
- Kinh doanh dịch vụ xuất nhập khẩu;
- Kinh doanh các công việc phụ trợ phục vụ cho hoạt động thể dục thể thao;
- Sản xuất vật liệu xây dựng (bê tông).
- Sản xuất thiết bị ngành điện dân dụng – công nghiệp;
- Sản xuất thiết bị cơ, điện lạnh (không gia công, sản xuất tại trụ sở chính, trụ sở chính chỉ làm văn phòng giao dịch);
- Thi công lắp đặt hệ thống cơ, điện lạnh, hệ thống điện công trình dân dụng, công nghiệp đến 35 KV;
- Lắp đặt hệ thống báo cháy, chữa cháy, hệ thống chống trộm, thiết bị quan sát;
- Mạ, đánh bóng kim loại;
- Xử lý kim loại bằng phương tiện nhiệt;
- Phun cát, trộn, làm sạch kim loại;
- Nhuộm màu, chạm, in kim loại;
- Phủ á kim như: tráng men, sơn mài;
- Mài, đánh bóng kim loại;
- Khoan, tiện, nghiền, mài, bào, đục, cưa, đánh bóng, hàn, nối, ... các phần khung kim loại;
- Cắt hoặc viết lên kim loại bằng phương tiện tia lazer (không gia công, sản xuất tại trụ sở chính, trụ sở chính chỉ làm văn phòng giao dịch);
- Xử lý nước thải (không xử lý tại trụ sở chính, trụ sở chính chỉ làm văn phòng giao dịch);
- Tư vấn và đào tạo nghề gia công cơ khí;
- Xử lý và tráng phủ kim loại (chỉ được hoạt động sau khi thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về giáo dục, dạy nghề).

### Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban điều hành của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

#### **Hội đồng quản trị**

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Nguyễn Văn Dành	Chủ tịch	Ngày 24 tháng 4 năm 2014
Bà Bùi Thị Lan	Phó Chủ tịch	Ngày 24 tháng 4 năm 2014
Ông Đoàn Văn Thuận	Thành viên	Ngày 24 tháng 4 năm 2014
Bà Huỳnh Thị Phương Thảo	Thành viên	Ngày 24 tháng 4 năm 2014
Ông Quảng Văn Viết Cương	Thành viên	Ngày 24 tháng 4 năm 2014
Ông Nguyễn Hoàn Vũ	Thành viên	Ngày 24 tháng 4 năm 2014
Ông Nguyễn Văn Hiền Phúc	Thành viên	Ngày 24 tháng 4 năm 2014

#### **Ban kiểm soát**

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Bà Nguyễn Thị Thanh Nhân	Trưởng ban	Ngày 24 tháng 4 năm 2014
Bà Nguyễn Thị Tuyết Loan	Thành viên	Ngày 24 tháng 4 năm 2014
Bà Lê Thị Diệu Thanh	Thành viên	Ngày 24 tháng 4 năm 2014

#### **Ban Tổng Giám đốc**

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm
Ông Đoàn Văn Thuận	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 8 năm 2013
Ông Lê Minh Tâm	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 07 tháng 11 năm 2003
Ông Hồ Hoàn Thành	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 08 tháng 5 năm 2014
Ông Bùi Bá Khoa	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 08 tháng 6 năm 2015
Bà Lý Thị Bình	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 08 tháng 6 năm 2015

# CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm
Ông Phan Minh Lâm	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 08 tháng 6 năm 2015

## **Đại diện theo pháp luật**

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Đoàn Văn Thuận – Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 01 tháng 8 năm 2013).

## **Kiểm toán viên**

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Tập đoàn.

## **Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán.
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng.
- Nêu rõ các Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Tập đoàn có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất.
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các số kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Tập đoàn với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các số sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Tập đoàn và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

## **Phê duyệt Báo cáo tài chính**

Hội đồng quản trị phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm. Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt Hội đồng quản trị,



**Bùi Thị Lan**  
Phó Chủ tịch

Ngày 25 tháng 3 năm 2016



**BAKER TILLY  
A&C**

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN A&C  
A&C AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.**



Headquarters : 02 Truong Son St., Tan Binh Dist., Ho Chi Minh City  
Tel: (84.8) 3 5472972 - Fax: (84.8) 3 5472970  
Branch in Ha Noi : 40 Giang Vo St., Dong Da Dist., Ha Noi City  
Branch in Nha Trang : 18 Tran Khanh Du St., Nha Trang City  
Branch in Can Tho : 15-13 Vo Nguyen Giap St., Can Tho City  
[www.a-c.com.vn](http://www.a-c.com.vn)

Số: 0329/2016/BCTC-KTTV

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC  
CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty cổ phần kinh doanh và phát triển Bình Dương (sau đây gọi tắt là “Công ty”) và các công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”), được lập ngày 20 tháng 2 năm 2016, từ trang 07 đến trang 57, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

### **Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn theo các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tập đoàn liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tập đoàn. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



**Ý kiến của Kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C



*(Handwritten signatures in blue ink)*

---

**Nguyễn Minh Trí - Phó Tổng Giám đốc**  
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 0089-2013-008-1

---

**Đỗ Thị Mai Loan - Kiểm toán viên**  
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 0090-2013-008-1

TP. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 3 năm 2016

**CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG**

Địa chỉ: Số 26-27, Lô I Đường Đồng Khởi, Phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>5.184.617.090.417</b>	<b>3.718.551.574.423</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.1</b>	<b>29.687.480.920</b>	<b>32.262.470.401</b>
1. Tiền	111		27.187.480.920	31.740.212.526
2. Các khoản tương đương tiền	112		2.500.000.000	522.257.875
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>3.903.381.000</b>	<b>2.732.366.700</b>
1. Chứng khoán kinh doanh	121	V.2a	4.893.028.550	4.893.028.550
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122	V.2a	(989.647.550)	(2.160.661.850)
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>1.102.676.335.133</b>	<b>623.213.233.792</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3a	1.078.818.206.518	600.356.145.233
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	11.926.025.415	14.611.126.318
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5a, 25	24.640.586.007	16.862.380.436
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6	(12.708.482.807)	(8.616.418.195)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>3.769.680.769.502</b>	<b>2.877.984.755.897</b>
1. Hàng tồn kho	141	V.7	3.769.680.769.502	2.877.984.755.897
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>278.669.123.862</b>	<b>182.358.747.633</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8a	3.055.258.401	6.164.777.983
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		275.288.978.853	175.119.195.720
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.18	324.886.608	1.074.773.930
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

# CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Số 26-27, Lô I Đường Đồng Khởi, Phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Bảng cân đối kế toán hợp nhất** (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>2.169.615.491.436</b>	<b>2.530.144.186.574</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>150.520.148.147</b>	<b>684.198.295.036</b>
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211	V.3b	143.438.137.161	677.411.137.164
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.5b	7.082.010.986	6.787.157.872
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>265.354.073.682</b>	<b>288.987.491.959</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	227.163.635.092	248.978.281.733
- Nguyên giá	222		388.125.262.319	375.134.112.752
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(160.961.627.227)	(126.155.831.019)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	38.190.438.590	40.009.210.226
- Nguyên giá	228		42.996.870.716	42.996.870.716
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(4.806.432.126)	(2.987.660.490)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>	<b>V.11</b>	<b>-</b>	<b>1.374.519.985</b>
- Nguyên giá	231		-	2.409.271.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	(1.034.751.015)
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>1.665.232.201.889</b>	<b>1.463.143.163.576</b>
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241	V.12	1.615.441.293.732	1.410.634.260.829
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.13	49.790.908.157	52.508.902.747
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>71.916.432.390</b>	<b>71.349.226.105</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.2b	18.489.150.644	17.921.944.359
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.2c	53.460.000.000	53.460.000.000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	V.2c	(32.718.254)	(32.718.254)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>16.592.635.329</b>	<b>21.091.489.913</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8b	12.221.484.740	15.724.283.627
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262	V.14	3.683.853.263	4.090.796.966
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
5. Lợi thế thương mại	269	V.15	687.297.326	1.276.409.320
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>7.354.232.581.854</b>	<b>6.248.695.760.997</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG**

Địa chỉ: Số 26-27, Lô I Đường Đồng Khởi, Phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)**

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>C - NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>6.158.411.883.010</b>	<b>5.038.696.705.413</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>3.655.118.717.573</b>	<b>4.513.580.372.974</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.16a,c	1.340.835.622.492	2.646.659.200.135
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.17a	294.473.570.147	340.965.195.610
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.18	40.347.074.718	30.327.161.489
4. Phải trả người lao động	314	V.19	10.687.329.163	9.853.913.354
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.20	322.473.246.649	596.666.890.032
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.21a,c	201.563.396.589	236.226.213.699
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.22a,c	1.441.557.558.344	646.314.865.781
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	V.24a	3.180.919.471	6.201.754.532
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.25	-	365.178.342
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>2.503.293.165.437</b>	<b>525.116.332.439</b>
1. Phải trả người bán dài hạn	331	V.16b,c	1.471.578.982.217	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332	V.17b	78.843.953.915	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	V.23	1.990.430.859	3.341.124.348
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.21b,c	5.970.343.034	6.422.560.471
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.22b,c	941.082.575.483	512.840.103.435
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342	V.24b	3.826.879.929	2.512.544.185
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG**

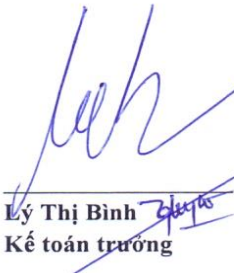
Địa chỉ: Số 26-27, Lô I Đường Đồng Khởi, Phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)**

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>D - VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>1.195.820.698.844</b>	<b>1.209.999.055.584</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>1.195.820.698.844</b>	<b>1.209.999.055.584</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.26	1.000.000.000.000	1.000.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		1.000.000.000.000	1.000.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	V.26	1.841.123.840	1.841.123.840
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414	V.26	8.044.411.019	8.044.411.019
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	V.26	42.937.386.861	42.731.847.007
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	V.26	117.619.296.784	119.077.396.291
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		5.792.869.589	119.077.396.291
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		111.826.427.195	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429	V.27	25.378.480.340	38.304.277.427
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>7.354.232.581.854</b>	<b>6.248.695.760.997</b>


Huỳnh Thị Ánh Tuyết  
Người lập biểu

Lý Thị Bình  
Kế toán trưởng

Bình Dương, ngày 20 tháng 02 năm 2016

Đoàn Văn Thuận  
Tổng Giám đốc

**CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG**

Địa chỉ: Số 26-27, Lô I Đường Đồng Khởi, Phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

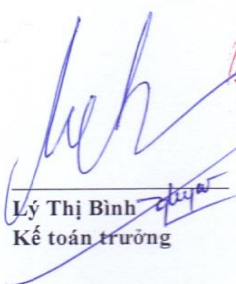
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	1.614.655.426.740	1.959.367.282.886
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	53.066.507.566	213.346.847.232
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		1.561.588.919.174	1.746.020.435.654
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.3	1.150.392.991.816	1.408.383.816.895
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		411.195.927.358	337.636.618.759
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	9.631.916.505	5.424.680.374
7. Chi phí tài chính	22	VI.5	141.878.758.280	62.180.746.123
Trong đó: chi phí lãi vay	23		141.211.578.124	60.836.099.868
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24	V.2c	580.435.853	103.428.732
9. Chi phí bán hàng	25	VI.6	81.569.738.846	87.923.611.339
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.7	53.188.580.423	56.231.948.567
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		144.771.202.167	136.828.421.836
12. Thu nhập khác	31	VI.8	10.388.481.982	20.215.703.499
13. Chi phí khác	32	VI.9	5.670.344.379	7.100.046.339
14. Lợi nhuận khác	40		4.718.137.603	13.115.657.160
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		149.489.339.770	149.944.078.996
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.18	40.047.821.449	35.668.494.293
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	V.14a	406.943.704	1.557.739.374
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>109.034.574.617</u>	<u>112.717.845.329</u>
19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		<u>107.292.213.195</u>	<u>116.642.531.344</u>
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		<u>1.742.361.422</u>	<u>(3.924.686.014)</u>
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10a,b	<u>998</u>	<u>1.085</u>
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.10a,b	<u>998</u>	<u>1.085</u>


Huỳnh Thị Ánh Tuyết  
Người lập biểu

Lý Thị Bình  
Kế toán trưởng

Bình Dương, ngày 20 tháng 02 năm 2016

Đoàn Văn Thuận  
Tổng Giám đốc

**CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG**

Địa chỉ: Số 26-27, Lô I Đường Đồng Khởi, Phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>		<b>149.489.339.770</b>	<b>149.944.078.996</b>
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản:</b>				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	V.9,V.10.V.15	38.749.396.731	35.217.893.346
- Các khoản dự phòng	03	V.2,V.6, V.24	1.214.550.994	1.716.435.711
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	VI.5	-	53.620.441
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	VI.4,VI.8	(10.899.972.712)	(154.376.068)
- Chi phí lãi vay	06	VI.5	141.211.578.124	60.836.099.868
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
<b>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>		<b>319.764.892.907</b>	<b>247.613.752.294</b>
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(34.542.056.958)	(226.596.872.734)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(1.095.830.430.026)	(1.627.851.185.779)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(118.067.216.251)	1.172.589.109.435
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		6.623.318.469	(2.699.230.691)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14	V.20, VI.5	(125.428.028.726)	(53.973.375.901)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	V.18	(30.973.696.906)	(47.896.321.174)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	V.25	45.900.000	4.621.321.000
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	V.25	(8.122.314.278)	(15.826.538.144)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>(1.086.529.631.769)</b>	<b>(550.019.341.694)</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(19.018.664.065)	(76.373.814.817)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		10.117.060.998	9.277.306.770
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	V.2,V.21a	(2.563.902.166)	(17.000.000.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	300.000.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	V.21,VI.4	2.401.955.566	3.750.359.503
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(9.063.549.667)</b>	<b>(80.046.148.544)</b>

# CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Số 26-27, Lô I Đường Đồng Khởi, Phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

### Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	V.22	1.946.873.468.618	1.488.027.555.915
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	V.22	(714.376.498.463)	(735.615.507.910)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	V.21,V.26	(139.478.778.200)	(141.594.997.258)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>1.093.018.191.955</b>	<b>610.817.050.747</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	<b>50</b>		<b>(2.574.989.481)</b>	<b>(19.248.439.492)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>V.1</b>	<b>32.262.470.401</b>	<b>51.510.909.893</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	<b>70</b>	<b>V.1</b>	<b>29.687.480.920</b>	<b>32.262.470.401</b>

  
Huỳnh Thị Ánh Tuyết  
Người lập biểu

  
Lý Thị Bình  
Kế toán trưởng



Bình Dương, ngày 20 tháng 02 năm 2016

  
Đoàn Văn Thuận  
Tổng Giám đốc

# CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Số 26-27, lô I, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

### BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

#### I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

##### 1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty cổ phần kinh doanh và phát triển Bình Dương (sau đây gọi tắt là “Công ty” hay “Công ty mẹ”) là công ty cổ phần.

##### 2. Lĩnh vực kinh doanh

Công ty kinh doanh trong nhiều lĩnh vực khác nhau.

##### 3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Kinh doanh vật liệu xây dựng và trang trí nội thất, nhựa đường, bột đá, hóa chất (hóa chất không độc hại mạnh); Dịch vụ tư vấn môi giới bất động sản; Đầu tư xây dựng và kinh doanh cơ sở hạ tầng khu dân cư, khu công nghiệp; Cho thuê nhà xưởng, nhà ở, nhà văn phòng; Kinh doanh bất động sản; Xây dựng các công trình công nghiệp và dân dụng; Gia công chế biến đá xây dựng; Sản xuất vật liệu xây dựng; Sản xuất cấu kiện bằng thép, bê tông cốt thép đúc sẵn; Sản xuất các sản phẩm kim loại cho xây dựng và kiến trúc; Kinh doanh máy móc, thiết bị điện, điện tử; Kinh doanh vật liệu xây dựng và trang trí nội ngoại thất; Thiết kế tổng mặt bằng xây dựng công trình; Thiết kế kiến trúc công trình dân dụng và công nghiệp; Thiết kế nội ngoại thất công trình; Quảng cáo thông qua các hình thức thể thao; Lắp đặt hệ thống điện; Thoát nước và xử lý nước thải.

##### 4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh trong hoạt động kinh doanh và sản xuất bê tông của Công ty không quá 12 tháng. Đối với các hoạt động kinh doanh của các dự án kinh doanh bất động sản, chu kỳ kinh doanh theo thời gian quy định tại phương án kinh doanh.

##### 5. Cấu trúc Tập đoàn

Tập đoàn bao gồm Công ty mẹ và 04 công ty con chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Toàn bộ các công ty con được hợp nhất trong Báo cáo tài chính hợp nhất.

##### 5a. Thông tin về tái cấu trúc của Tập đoàn

Ngày 30 tháng 9 năm 2015, Tập đoàn đã mua thêm 22,93% cổ phần của Công ty TNHH tư vấn đầu tư xây dựng Việt và 29,41% cổ phần của Công ty TNHH cửa sổ mùa xuân, tăng tỷ lệ vốn góp tại các công ty con này lên 100% từ ngày này. Giá trị ghi sổ của tài sản thuần của các Công ty tại ngày mua là 11.159.596.314 VND, và giá trị ghi sổ của phần sở hữu mua thêm là 11.669.350.000 VND. Chênh lệch giữa giá mua với giá trị ghi sổ của phần sở hữu mua thêm được ghi nhận vào khoản mục “Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối” trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

##### 5b. Danh sách công ty con được hợp nhất

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty TNHH MTV Cửa Sổ Mùa Xuân	Lô A-9B-CN, khu công nghiệp Bàu Bàng, xã Lai Uyên, huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương.	Sản xuất, lắp ráp cửa các loại...	100,00%	100,00%	100,00%
Công ty TNHH MTV tư vấn đầu tư xây dựng Việt	Số 09, Khu Biệt Thự Dragon Hill, Đường Lê Lai, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.	Tư vấn, thiết kế, xây dựng các công trình, nhà ở...	100,00%	100,00%	100,00%



## CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Số 26-27, lô I, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất** (tiếp theo)

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty cổ phần xi măng Hà Tiên Kiên Giang - Becamex	Đường D1, Khu công nghiệp Mỹ Phước 1, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương.	Sản xuất và cung cấp xi măng, bê tông cấu kiện...	58,00%	58,00%	58,00%
Công ty cổ phần vật liệu xây dựng Becamex	Ấp Mương Đào, xã Long Nguyên, huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương.	Sản xuất, mua bán vật liệu xây dựng như: cát, đá, thép...	81,00%	81,00%	81,00%

#### 5c. Công ty liên kết được phản ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu

Tập đoàn chỉ đầu tư vào công ty liên kết là Trường Đại học quốc tế Miền Đông có trụ sở chính tại khu đô thị mới thuộc Khu liên hợp công nghiệp dịch vụ và đô thị Bình Dương, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương. Hoạt động kinh doanh chính của công ty liên kết này là đào tạo, giáo dục. Tại ngày kết thúc năm tài chính, tỷ lệ phần sở hữu và tỷ lệ quyền biểu quyết của Tập đoàn tại công ty liên kết này là 24% (số đầu năm là 24%).

#### 5d. Cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được phản ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu

Tập đoàn chỉ đầu tư vào Công ty TNHH SinViet có trụ sở chính tại Số 2B, Đại lộ Tự do, Khu Công nghiệp Việt Nam - Singapore, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương. Hoạt động kinh doanh chính của công ty này là sản xuất và phân phối nước uống đóng chai. Tại ngày kết thúc năm tài chính, tỷ lệ phần sở hữu và tỷ lệ quyền biểu quyết của Tập đoàn tại công ty này là 50% (số đầu năm là 50%).

#### 6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Như đã trình bày tại thuyết minh số III.1, từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 Tập đoàn áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính cũng như Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính thay thế cho phần XIII - Thông tư số 161/2007/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 25 “Báo cáo tài chính hợp nhất và kế toán các khoản đầu tư vào công ty con”. Các quy định kế toán mới này không có ảnh hưởng trọng yếu đến các số liệu của Tập đoàn và Tập đoàn đã trình bày lại các số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 do vậy các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.

#### 7. Nhân viên

Tại ngày kết thúc năm tài chính Tập đoàn có 770 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 939 nhân viên).

## II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

### 1. Năm tài chính

Năm tài chính của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

## **CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG**

Địa chỉ: Số 26-27, lô I, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

### **BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất** (tiếp theo)

---

#### **2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

### **III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

#### **1. Chế độ kế toán áp dụng**

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính cũng như Thông tư số 202/2014/TT-BTC thay thế cho phần XIII - Thông tư số 161/2007/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 25 “Báo cáo tài chính hợp nhất và kế toán các khoản đầu tư vào công ty con”. Các Thông tư này có hiệu lực áp dụng cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Tập đoàn áp dụng các Chuẩn mực kế toán, các thông tư này và các thông tư khác hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

#### **2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư khác hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

### **IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

#### **1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất**

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

#### **2. Cơ sở hợp nhất**

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty mẹ và Báo cáo tài chính của các công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi xác định quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng phát sinh từ các quyền chọn mua hoặc các công cụ nợ và công cụ vốn có thể chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông tại ngày kết thúc năm tài chính.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Báo cáo tài chính của công ty mẹ và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán và áp dụng các chính sách kế toán thống nhất cho các giao dịch và sự kiện cùng loại trong những hoàn cảnh tương tự. Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

## **CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG**

Địa chỉ: Số 26-27, lô I, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

### **BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất** (tiếp theo)

---

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các công ty trong cùng Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này phải được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát thể hiện phần lãi hoặc lỗ trong kết quả kinh doanh và tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Tập đoàn và được trình bày ở khoản mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất (thuộc phần vốn chủ sở hữu). Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Khi Tập đoàn đầu tư để tăng tỷ lệ lợi ích nắm giữ tại công ty con, phần chênh lệch giữa giá phí khoản đầu tư thêm và giá trị ghi sổ của tài sản thuần của công ty con mua thêm tại ngày mua được ghi nhận trực tiếp vào khoản mục “Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối” trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

### **3. Tiền và tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

### **4. Các khoản đầu tư tài chính**

#### ***Chứng khoán kinh doanh***

Khoản đầu tư được phân loại là chứng khoán kinh doanh khi nắm giữ vì mục đích mua bán để kiếm lời.

Chứng khoán kinh doanh được ghi sổ kế toán theo giá gốc. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm Tập đoàn có quyền sở hữu, cụ thể như sau:

- Đối với chứng khoán niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh (T+0).
- Đối với chứng khoán chưa niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu theo quy định của pháp luật.

Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi chứng khoán kinh doanh được mua được hạch toán giảm giá trị của chính chứng khoán kinh doanh đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi chứng khoán kinh doanh được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được theo mệnh giá.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá trị hợp lý thấp hơn giá gốc. Giá trị hợp lý của chứng khoán kinh doanh niêm yết trên thị trường chứng khoán hoặc được giao dịch trên sàn UPCOM là giá đóng cửa tại ngày kết thúc năm tài chính. Trường hợp tại ngày kết thúc năm tài chính thị trường chứng khoán

## **CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG**

Địa chỉ: Số 26-27, lô I, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

### **BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

---

hay sàn UPCOM không giao dịch thì giá trị hợp lý của chứng khoán là giá đóng cửa phiên giao dịch trước liền kề với ngày kết thúc năm tài chính.

Tăng, giảm số dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

#### ***Các khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết***

##### *Công ty liên doanh*

Công ty liên doanh là doanh nghiệp được thành lập trên cơ sở thỏa thuận trên hợp đồng mà theo đó Tập đoàn và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của công ty liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên tham gia liên doanh.

Tập đoàn ghi nhận lợi ích của mình trong cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo đó khoản vốn góp trong liên doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Tập đoàn trong tài sản thuần của cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất phản ánh phần sở hữu của Tập đoàn trong kết quả hoạt động kinh doanh của cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát. Tập đoàn ngừng sử dụng phương pháp vốn chủ sở hữu kể từ ngày kết thúc quyền đồng kiểm soát hoặc không có ảnh hưởng đáng kể đối với cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát.

Báo cáo tài chính của cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được lập cùng năm tài chính với Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn. Khi chính sách kế toán của cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Các khoản lãi, lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được loại trừ tương ứng với phần thuộc về Tập đoàn khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

##### *Công ty liên kết*

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo đó, khoản đầu tư vào công ty liên kết được thể hiện trên Báo cáo tài chính hợp nhất theo chi phí đầu tư ban đầu và điều chỉnh cho các thay đổi trong phần lợi ích trên tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày đầu tư. Nếu lợi ích của Tập đoàn trong khoản lỗ của công ty liên kết lớn hơn hoặc bằng giá trị ghi sổ của khoản đầu tư thì giá trị khoản đầu tư được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất là bằng không trừ khi Tập đoàn có các nghĩa vụ thực hiện thanh toán thay cho công ty liên kết.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng năm tài chính với Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn. Khi chính sách kế toán của công ty liên kết khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty liên kết sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

## **CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG**

Địa chỉ: Số 26-27, lô I, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất** (tiếp theo)

---

Các khoản lãi, lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các công ty liên kết được loại trừ tương ứng với phần thuộc về Tập đoàn khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

### ***Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác***

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Tập đoàn không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được theo mệnh giá.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Tập đoàn so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

## **5. Các khoản phải thu**

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Tập đoàn và người mua là đơn vị độc lập với Tập đoàn, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
  - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
  - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
  - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
  - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

## **6. Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

## **CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG**

Địa chỉ: Số 26-27, lô I, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất** (tiếp theo)

---

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang của bất động sản: bao gồm chi phí quyền sử dụng đất, các chi phí trực tiếp và các chi phí chung có liên quan phát sinh trong quá trình đầu tư xây dựng bất động sản.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.
- Các công trình xây dựng dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công và các chi phí có liên quan trực tiếp khác.

Giá gốc của hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền đối với nguyên vật liệu, tính theo phương pháp thực tế đích danh đối với hàng hóa bất động sản và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

### **7. Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Tập đoàn bao gồm các chi phí sau:

#### ***Công cụ dụng cụ***

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

#### ***Chi phí thuê văn phòng***

Chi phí thuê văn phòng được phân bổ theo thời hạn thuê.

#### ***Các chi phí khác***

Các chi phí khác bao gồm chi phí sửa chữa, thiết kế,... được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong thời gian không quá 03 năm.

### **8. Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:



## CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Số 26-27, lô I, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	23
Máy móc và thiết bị	05 - 18
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	03 - 05
Thiết bị, dụng cụ quản lý	06 - 10
Tài sản cố định khác	05 - 08

#### 9. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Tập đoàn bao gồm:

##### ***Quyền sử dụng đất***

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Tập đoàn đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,... Quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 49 năm.

##### ***Chương trình phần mềm***

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm.

#### 10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tập đoàn) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

#### 11. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Tập đoàn, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ

## **CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG**

Địa chỉ: Số 26-27, lô I, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

### **BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất** (tiếp theo)

---

sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.

- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

#### **12. Các khoản dự phòng phải trả**

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Tập đoàn có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, việc thanh toán nghĩa vụ nợ này có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và giá trị của nghĩa vụ nợ đó có thể được một ước tính đáng tin cậy.

Khoản dự phòng phải trả của Tập đoàn chỉ bao gồm dự phòng cho bảo hành công trình xây dựng được lập cho từng công trình xây lắp có cam kết bảo hành.

Mức trích lập dự phòng bảo hành bằng 5% trên doanh thu công trình xây lắp có yêu cầu bảo hành. Tỷ lệ này được ước tính dựa trên các dữ liệu về chi phí bảo hành trong những năm trước. Khi hết thời gian bảo hành, khoản dự phòng bảo hành công trình xây dựng không sử dụng hoặc sử dụng không hết được ghi nhận vào thu nhập khác.

#### **13. Trái phiếu thường**

Trái phiếu thường là trái phiếu không có quyền chuyển đổi thành cổ phiếu.

Giá trị ghi sổ của trái phiếu thường được phản ánh trên cơ sở thuần bằng trị giá trái phiếu theo mệnh giá trừ chi phí phát hành trái phiếu.

Chi phí phát hành trái phiếu được phân bổ dần phù hợp với kỳ hạn trái phiếu theo phương pháp đường thẳng hoặc phương pháp lãi suất thực tế và ghi nhận vào chi phí tài chính hoặc vốn hóa.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, chi phí phát hành trái phiếu được ghi giảm phần nợ gốc của trái phiếu nếu việc phân bổ được thực hiện theo phương pháp đường thẳng hoặc ghi tăng phần nợ gốc của trái phiếu nếu việc phân bổ được thực hiện theo phương pháp lãi suất thực tế. Định kỳ, chi phí phát hành trái phiếu chuyển đổi được phân bổ bằng cách ghi tăng giá trị nợ gốc và ghi nhận vào chi phí tài chính hoặc vốn hóa phù hợp với việc ghi nhận lãi vay phải trả của trái phiếu.

#### **14. Vốn chủ sở hữu**

##### ***Vốn góp của chủ sở hữu***

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông của Công ty.

##### ***Thặng dư vốn cổ phần***

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

##### ***Vốn khác của chủ sở hữu***

Vốn khác được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh.

## **CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG**

Địa chỉ: Số 26-27, lô I, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất** (tiếp theo)

---

### ***Cổ phiếu quỹ***

Khi mua lại cổ phiếu do Tập đoàn phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào khoản mục “Thặng dư vốn cổ phần”.

### **15. Phân phối lợi nhuận**

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được chia cho các cổ đông và trích lập các quỹ theo Điều lệ của các công ty trong Tập đoàn và các quy định của pháp luật sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

### **16. Ghi nhận doanh thu và thu nhập**

#### ***Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm***

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Tập đoàn đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Tập đoàn không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Tập đoàn đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

#### ***Doanh thu cung cấp dịch vụ***

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Tập đoàn đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

#### ***Doanh thu bán bất động sản***

Doanh thu bán bất động sản Tập đoàn là chủ đầu tư được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời tất cả các điều kiện sau:

## **CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG**

Địa chỉ: Số 26-27, lô I, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

### **BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất** (tiếp theo)

---

- Bất động sản đã hoàn thành toàn bộ và bàn giao cho người mua, Tập đoàn đã chuyển giao rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu bất động sản cho người mua.
- Tập đoàn không còn nắm giữ quyền quản lý bất động sản như người sở hữu bất động sản hoặc quyền kiểm soát bất động sản.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Tập đoàn đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán bất động sản.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán bất động sản.

Trường hợp khách hàng có quyền hoàn thiện nội thất của bất động sản và Tập đoàn thực hiện việc hoàn thiện nội thất của bất động sản theo đúng thiết kế, mẫu mã, yêu cầu của khách hàng theo một hợp đồng hoàn thiện nội thất bất động sản riêng thì doanh thu được ghi nhận khi hoàn thành, bàn giao phần xây thô cho khách hàng.

#### ***Doanh thu bán bất động sản phân lô bán nền***

Doanh thu bán bất động sản phân lô bán nền đối với hợp đồng không hủy ngang được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời tất cả các điều kiện sau:

- Đã chuyển giao rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sử dụng đất cho người mua.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán nền đất.
- Tập đoàn đã thu được hoặc chắc chắn sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán nền đất.

#### ***Tiền lãi***

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

#### ***Cổ tức và lợi nhuận được chia***

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Tập đoàn được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được theo mệnh giá.

### **17. Hợp đồng xây dựng**

Hợp đồng xây dựng là một hợp đồng được thỏa thuận để xây dựng một tài sản hoặc tổ hợp các tài sản có liên quan chặt chẽ hay phụ thuộc lẫn nhau về mặt thiết kế, công nghệ, chức năng hoặc mục đích sử dụng cơ bản của chúng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy thì:

- Đối với các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do Tập đoàn tự xác định vào ngày kết thúc năm tài chính.
- Đối với các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được ghi nhận doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy:

- Doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn.
- Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận vào chi phí khi đã phát sinh.

## **CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG**

Địa chỉ: Số 26-27, lô I, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

### **BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất** (tiếp theo)

---

Chênh lệch giữa tổng doanh thu lũy kế của hợp đồng xây dựng đã ghi nhận và khoản tiền lũy kế ghi trên hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch của hợp đồng được ghi nhận là khoản phải thu hoặc phải trả theo tiến độ kế hoạch của các hợp đồng xây dựng.

#### **18. Các khoản giảm trừ doanh thu**

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

Trường hợp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ từ các năm trước, đến năm nay mới phát sinh khoản trả lại thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:

- Nếu khoản trả lại phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất của năm nay.
- Nếu khoản trả lại phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất của năm sau.

#### **19. Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản cố liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

#### **20. Các khoản chi phí**

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

#### **21. Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

##### ***Thuế thu nhập hiện hành***

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

## **CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG**

Địa chỉ: Số 26-27, lô I, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

### **BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất** (tiếp theo)

---

#### ***Thuế thu nhập hoãn lại***

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoãn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Tập đoàn có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
  - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
  - Tập đoàn dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

## **22. Bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

## **23. Báo cáo theo bộ phận**

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn.



## CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Số 26-27, lô I, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất** (tiếp theo)

#### 24. Công cụ tài chính

##### *Tài sản tài chính*

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Tập đoàn gồm có tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các công cụ tài chính được niêm yết và không được niêm yết.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến tài sản tài chính đó.

##### *Nợ phải trả tài chính*

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Tập đoàn gồm các khoản vay và nợ, phải trả người bán và các khoản phải trả khác.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

##### *Công cụ vốn chủ sở hữu*

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Tập đoàn sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

##### *Bù trừ các công cụ tài chính*

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Tập đoàn:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

## V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

### 1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	2.052.833.702	2.764.067.365
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	25.134.647.218	28.976.145.161
Các khoản tương đương tiền (tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng) <sup>(*)</sup>	2.500.000.000	522.257.875
<b>Cộng</b>	<b><u>29.687.480.920</u></b>	<b><u>32.262.470.401</u></b>

(\*) Khoản tiền gửi có kỳ hạn trị giá 2.000.000.000 VND được dùng để đảm bảo cho khoản vay tại Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Bình Dương.

### 2. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Tập đoàn bao gồm chứng khoán kinh doanh và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Tập đoàn như sau:

**CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG**

Địa chỉ: Số 26-27, lô I, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)****2a. Chứng khoán kinh doanh**

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
<b>Cổ phiếu</b>						
Công ty cổ phần khoáng sản Becamex (BMJ)	4.893.028.550	3.903.381.000	(989.647.550)	4.893.028.550	2.732.366.700	(2.160.661.850)
<b>Cộng</b>	<b>4.893.028.550</b>	<b>3.903.381.000</b>	<b>(989.647.550)</b>	<b>4.893.028.550</b>	<b>2.732.366.700</b>	<b>(2.160.661.850)</b>

Tình hình biến động dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	2.160.661.850	3.386.845.835
Hoàn nhập dự phòng	(1.171.014.300)	(1.226.183.985)
<b>Số cuối năm</b>	<b>989.647.550</b>	<b>2.160.661.850</b>

**2b. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết**

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc	Lợi nhuận phát sinh sau ngày đầu tư	Cộng	Giá gốc	Lợi nhuận phát sinh sau ngày đầu tư	Cộng
Công ty liên doanh TNHH SinViet <sup>(i)</sup>	2.235.910.000	1.934.269.805	4.170.179.805	2.235.910.000	1.356.251.518	3.592.161.518
Trường Đại học quốc tế Miền Đông <sup>(ii)</sup>	14.400.000.000	(151.246.320)	14.318.970.839	14.400.000.000	(70.217.159)	14.329.782.841
<b>Cộng</b>	<b>16.635.910.000</b>	<b>1.783.023.485</b>	<b>18.489.150.644</b>	<b>16.635.910.000</b>	<b>1.286.034.359</b>	<b>17.921.944.359</b>

(i) Theo Giấy phép đầu tư số 061/GP-KCN-VS, ngày 17 tháng 6 năm 2002 do Trường ban quản lý Khu công nghiệp Việt Nam – Singapore cấp, Tập đoàn đầu tư vào Công ty liên doanh TNHH SinViet 140.000,00 USD, tương đương 50% vốn điều lệ.

(ii) Theo Giấy chứng nhận đầu tư số 46121000047 ngày 29 tháng 7 năm 2009 do Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương cấp, Tập đoàn đầu tư vào Trường Đại học quốc tế Miền Đông 14.400.00.000 VND, tương đương 24% vốn điều lệ.

Giá trị phần sở hữu của Tập đoàn tại công ty liên doanh, liên kết như sau:

	Giá trị phần sở hữu đầu năm	Phần lãi hoặc lỗ trong năm	Giảm khác	Giá trị phần sở hữu cuối năm
Công ty liên doanh TNHH SinViet	3.592.161.518	578.018.287	-	4.170.179.805
Trường Đại học quốc tế Miền Đông	14.329.782.841	2.417.566	(13.229.568)	14.318.970.839
<b>Cộng</b>	<b>17.921.944.359</b>	<b>580.435.853</b>	<b>(13.229.568)</b>	<b>18.489.150.644</b>

Tập đoàn chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư không có giá niêm yết do chưa có hướng dẫn cụ thể.

## CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Số 26-27, lô I, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất** (tiếp theo)

*Tình hình hoạt động của công ty liên doanh, liên kết*

Các công ty liên doanh, liên kết đang hoạt động kinh doanh bình thường, không có thay đổi lớn so với năm trước.

*Giao dịch với công ty liên doanh*

Trong năm, Tập đoàn chỉ phát sinh giao dịch mua nước tinh khiết từ Công ty liên doanh TNHH SinViet là công ty liên doanh với số tiền là 39.905.000 VND (năm trước là 13.877.000 VND).

#### 2c. *Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác*

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Công ty cổ phần đầu tư và kinh doanh bất động sản	7.000.000.000	(32.718.254)	7.000.000.000	(32.718.254)
Công ty cổ phần dược Becamex	1.020.000.000	-	1.020.000.000	-
Công ty cổ phần bệnh viện Mỹ Phước	30.800.000.000	-	30.800.000.000	-
Công ty cổ phần bê tông ly tâm Thủ Đức 1	14.640.000.000	-	14.640.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>53.460.000.000</b>	<b>(32.718.254)</b>	<b>53.460.000.000</b>	<b>(32.718.254)</b>

*Giá trị hợp lý*

Tập đoàn chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

*Dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác*

Tình hình biến động dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	32.718.254	241.120.370
Hoàn nhập dự phòng	-	(208.402.116)
<b>Số cuối năm</b>	<b>32.718.254</b>	<b>32.718.254</b>

### 3. **Phải thu khách hàng**

#### 3a. *Phải thu ngắn hạn của khách hàng*

	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Phải thu các bên liên quan</b>	<b>538.894.656.224</b>	<b>65.876.079.432</b>
Công ty cổ phần bệnh viện Mỹ Phước	11.126.780.173	10.210.409.623
Công ty liên doanh TNHH khu công nghiệp Việt Nam – Singapore	3.278.276.802	3.278.276.802
Công ty cổ phần phát triển giáo dục Miền Đông	10.192.291.202	13.192.291.202
Công ty cổ phần xây dựng và giao thông Bình Dương	469.196.335.629	10.828.953.646
Công ty cổ phần phát triển hạ tầng kỹ thuật Becamex IJC	1.500.004	11.753.391
Công ty cổ phần bê tông Becamex	830.306.837	3.830.178.638
Công ty cổ phần phát triển đô thị	5.591.465	-
Công ty cổ phần Setiabecamex	370.440.576	370.440.576
Tổng Công ty đầu tư và phát triển công nghiệp – TNHH một thành viên	43.810.707.926	24.144.463.543

**CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG**

Địa chỉ: Số 26-27, lô I, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất** (tiếp theo)

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty TNHH MTV cấp thoát nước - môi trường Bình Dương	82.425.610	9.312.011
<b><i>Phải thu các khách hàng khác</i></b>	<b>539.923.550.294</b>	<b>534.480.065.801</b>
Công ty TNHH xây dựng dịch vụ thương mại Trần Long	36.692.989.734	29.529.797.067
Công ty TNHH đầu tư xây dựng thương mại Minh Đức Trung	588.088.855	9.162.754.694
Phải thu các khách hàng mua bất động sản khác	396.419.251.575	353.866.700.512
Phải thu các khách hàng khác	106.223.220.130	141.920.813.528
<b>Cộng</b>	<b><u>1.078.818.206.518</u></b>	<b><u>600.356.145.233</u></b>

**3b. Phải thu dài hạn của khách hàng**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b><i>Phải thu bên liên quan</i></b>	<b>3.199.013.487</b>	<b>31.990.193.487</b>
Tổng Công ty đầu tư và phát triển công nghiệp – TNHH MTV	3.199.013.487	31.990.193.487
<b><i>Phải thu các khách hàng khác</i></b>	<b>140.239.123.674</b>	<b>645.420.943.677</b>
Công ty cổ phần Nam Việt Phát	-	184.366.452.958
Công ty TNHH xây dựng dịch vụ thương mại Trần Long	-	163.010.229.010
Các khách hàng khác	140.239.123.674	298.044.261.709
<b>Cộng</b>	<b><u>143.438.137.161</u></b>	<b><u>677.411.137.164</u></b>

**4. Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Ông Lương Anh Cường	2.677.500.000	2.677.500.000
Công ty Hunter Douglas Việt Nam	182.734.443	2.032.308.190
Trả trước cho người bán khác	9.065.790.972	9.901.318.128
<b>Cộng</b>	<b><u>11.926.025.415</u></b>	<b><u>14.611.126.318</u></b>

**5. Phải thu khác****5a. Phải thu ngắn hạn khác**

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>
Quỹ khen thưởng, phúc lợi đã chi chờ nguồn bù đắp	1.994.069.130	-	2.414.050.726	-
Cổ tức phải thu	1.485.653.015	-	1.485.653.015	-
Tạm ứng cho nhân viên	10.845.745.353	-	10.966.790.974	-
Lãi dự thu	6.047.437.500	-	-	-
Các khoản phải thu khác	4.267.681.009	604.325.204	1.995.885.721	-
<b>Cộng</b>	<b><u>24.640.586.007</u></b>	<b><u>604.325.204</u></b>	<b><u>16.862.380.436</u></b>	<b>-</b>

**5b. Phải thu dài hạn khác**

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>
<b><i>Phải thu bên liên quan</i></b>	<b>649.003.039</b>	<b>-</b>	<b>649.003.039</b>	<b>-</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG**

Địa chỉ: Số 26-27, lô I, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất** (tiếp theo)

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Công ty liên doanh TNHH SinViet - tạm ứng vốn	649.003.039	-	649.003.039	-
<b>Phải thu các tổ chức và các cá nhân khác</b>	<b>6.433.007.947</b>	-	<b>6.138.154.833</b>	-
Phải thu phí bảo trì chung cư TDC Plaza	-	-	1.124.852.450	-
Thuế GTGT đầu ra tạm nộp (tiền ứng kinh doanh bất động sản)	4.467.463.257	-	2.290.227.184	-
Ký quỹ	1.376.925.505	-	1.443.372.167	-
Lệ phí trước bạ phải thu	-	-	866.012.230	-
Các khoản phải thu dài hạn khác	588.619.185	-	413.690.802	-
<b>Cộng</b>	<b>7.082.010.986</b>	-	<b>6.787.157.872</b>	-

**6. Nợ xấu**

	Số cuối năm		Số đầu năm			
	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Công ty TNHH Đại Quang Long – Phải thu tiền Từ 2 năm đến 3 bán bê tông năm		1.314.205.994	394.261.798		-	-
Công ty cổ phần Hoàng Duyên - Phải thu tiền bán vật liệu xây dựng Trên 3 năm		3.599.519.099	-	Trên 3 năm	3.599.519.099	-
Phải thu các đơn vị và cá nhân khác Từ 6 tháng đến 3 năm		11.554.217.858	3.365.198.346	Từ 6 tháng đến 3 năm	9.254.507.308	4.237.608.212
<b>Cộng</b>		<b>16.467.942.951</b>	<b>3.759.460.144</b>		<b>12.854.026.407</b>	<b>4.237.608.212</b>

Tình hình biến động dự phòng giảm giá khoản phải thu ngắn hạn như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	8.616.418.195	5.429.446.635
Trích lập dự phòng bổ sung	4.092.064.612	3.186.971.560
<b>Số cuối năm</b>	<b>12.708.482.807</b>	<b>8.616.418.195</b>

**7. Hàng tồn kho**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	31.538.721.092	-	33.585.017.201	-
Công cụ, dụng cụ	1.666.160.461	-	1.501.561.809	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang (*)	3.232.731.050.795	-	2.354.211.413.344	-
Thành phẩm	1.469.429.791	-	3.135.871.021	-
Hàng hóa	502.275.407.363	-	485.541.570.960	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG**

Địa chỉ: Số 26-27, lô I, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất** (tiếp theo)

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng gửi đi bán	-	-	9.321.562	-
<b>Cộng</b>	<b>3.769.680.769.502</b>	<b>-</b>	<b>2.877.984.755.897</b>	<b>-</b>

(\*) Quyền sử dụng đất tại Khu đô thị - công nghiệp - dịch vụ VSIP Hải Phòng có giá trị sổ sách tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 255.656.413.805 VND được dùng thế chấp tại Ngân hàng liên doanh VID Public - Chi nhánh Bình Dương để đảm bảo cho các khoản vay của Tập đoàn tại Ngân hàng này.

**8. Chi phí trả trước****8a. Chi phí trả trước ngắn hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công cụ dụng cụ	1.432.651.010	1.647.365.456
Chi phí trước bạ	-	3.501.372.236
Chi phí thuê văn phòng	676.342.877	-
Chi phí sửa chữa, bảo hiểm	401.956.005	-
Chi phí khác	544.308.509	1.016.040.291
<b>Cộng</b>	<b>3.055.258.401</b>	<b>6.164.777.983</b>

**8b. Chi phí trả trước dài hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền thuê đất	7.403.565.550	3.854.361.456
Chi phí thuê văn phòng	-	4.060.837.777
Công cụ, dụng cụ	1.311.002.739	3.627.949.563
Chi phí khảo sát	332.601.266	356.358.506
Chi phí sửa chữa	2.150.023.582	2.350.914.680
Chi phí khác	1.024.291.603	1.473.861.645
<b>Cộng</b>	<b>12.221.484.740</b>	<b>15.724.283.627</b>

**9. Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
<b>Nguyên giá</b>						
Số đầu năm	108.677.387.654	111.286.216.302	139.327.055.043	2.699.346.451	13.144.107.302	375.134.112.752
Mua trong năm	93.038.146	674.550.350	309.644.344	-	-	1.077.232.840
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	11.061.047.063	230.258.000	3.262.641.978	127.103.000	-	14.681.050.041
Thanh lý, nhượng bán	-	(65.454.546)	(2.654.869.054)	-	-	(2.720.323.600)
Giảm khác	-	-	-	(46.809.714)	-	(46.809.714)
<b>Số cuối năm</b>	<b>119.831.472.863</b>	<b>112.125.570.106</b>	<b>140.244.472.311</b>	<b>2.779.639.737</b>	<b>13.144.107.302</b>	<b>388.125.262.319</b>
<i>Trong đó:</i>						
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	2.637.685.643	2.801.791.160	8.039.596.405	909.248.095	213.400.289	14.601.721.592
Chờ thanh lý	-	-	-	-	-	-
<b>Giá trị hao mòn</b>						
Số đầu năm	29.912.000.333	37.852.131.859	53.161.495.942	1.524.310.540	3.705.892.345	126.155.831.019

**CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG**

Địa chỉ: Số 26-27, lô I, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

	<b>Nhà cửa, vật kiến trúc</b>	<b>Máy móc và thiết bị</b>	<b>Phương tiện vận tải, truyền dẫn</b>	<b>Thiết bị, dụng cụ quản lý</b>	<b>Tài sản cố định khác</b>	<b>Cộng</b>
Khấu hao trong năm	9.033.093.769	10.809.265.034	15.578.877.617	298.385.393	621.891.288	36.341.513.101
Thanh lý, nhượng bán	-	(14.318.178)	(1.128.367.494)	-	-	(1.142.685.672)
Giảm khác	-	(314.924.999)	(31.296.507)	(46.809.714)	-	(393.031.220)
<b>Số cuối năm</b>	<b>38.945.094.102</b>	<b>48.332.153.715</b>	<b>67.580.709.558</b>	<b>1.775.886.219</b>	<b>4.327.783.633</b>	<b>160.961.627.227</b>
<b>Giá trị còn lại</b>						
Số đầu năm	78.765.387.321	73.434.084.443	86.165.559.101	1.175.035.911	9.438.214.957	248.978.281.733
<b>Số cuối năm</b>	<b>80.886.378.761</b>	<b>63.793.416.391</b>	<b>72.663.762.753</b>	<b>1.003.753.518</b>	<b>8.816.323.669</b>	<b>227.163.635.092</b>
<i>Trong đó:</i>						
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-	-

Một số tài sản cố định hữu hình có nguyên giá và giá trị còn lại lần lượt là 152.960.214.119 VND và 83.558.850.172 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng thương mại cổ phần đầu tư và phát triển Việt Nam – Chi nhánh Bình Dương và Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Bình Dương.

**10. Tài sản cố định vô hình**

	<b>Quyền sử dụng đất</b>	<b>Chương trình phần mềm</b>	<b>Cộng</b>
<b>Nguyên giá</b>			
Số đầu năm	42.778.349.973	218.520.743	42.996.870.716
<b>Số cuối năm</b>	<b>42.778.349.973</b>	<b>218.520.743</b>	<b>42.996.870.716</b>
<i>Trong đó:</i>			
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	218.520.743	218.520.743
<b>Giá trị hao mòn</b>			
Số đầu năm	2.785.179.739	202.480.751	2.987.660.490
Khấu hao trong năm	1.802.731.644	16.039.992	1.818.771.636
<b>Số cuối năm</b>	<b>4.587.911.383</b>	<b>218.520.743</b>	<b>4.806.432.126</b>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Số đầu năm	39.993.170.234	16.039.992	40.009.210.226
<b>Số cuối năm</b>	<b>38.190.438.590</b>	<b>-</b>	<b>38.190.438.590</b>
<i>Trong đó:</i>			
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-

Toàn bộ quyền sử dụng đất đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng thương mại cổ phần đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bình Dương.

**11. Bất động sản đầu tư**

Trong năm, bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất tại An Thạnh, huyện Thuận An, tỉnh Bình Dương đã được chuyển nhượng cho Ông Trần Đức Minh theo Hợp đồng chuyển nhượng số 01/2015/HDCN ngày 30 tháng 3 năm 2015.

**CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG**

Địa chỉ: Số 26-27, lô I, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)****12. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Dự án chung cư Mỹ Phước 9T	-	-	399.999.999	399.999.999
Dự án Sunriver	45.527.273	45.527.273	45.527.273	45.527.273
Dự án phố Sông Cẩm	400.722.930.392	400.722.930.392	310.798.337.294	310.798.337.294
Dự án Hiland Park - BB	87.320.622.774	87.320.622.774	87.320.622.774	87.320.622.774
Dự án TDC Plaza	582.617.257.952	582.617.257.952	477.195.160.762	477.195.160.762
Dự án Unitown – Giai đoạn 2	544.734.955.341	544.734.955.341	534.874.612.727	534.874.612.727
<b>Cộng</b>	<b>1.615.441.293.732</b>	<b>1.615.441.293.732</b>	<b>1.410.634.260.829</b>	<b>1.410.634.260.829</b>

Các dự án bị trì hoãn do Tập đoàn đang thiếu vốn để tiếp tục thực hiện.

**13. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển vào TSCĐ trong năm	Kết chuyển giảm khác	Số cuối năm
Mua sắm TSCĐ	47.716.237.286	3.296.136.029	(3.620.002.978)	(5.168.663.636)	42.223.706.701
XDCB dở dang	4.417.194.814	12.795.582.714	(9.645.576.072)	-	7.567.201.456
<i>Chi phí xây dựng trạm trộn bê tông Huyện Chơn Thành</i>	<i>1.636.251.129</i>	<i>3.093.079.936</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>4.729.331.065</i>
<i>Chi phí xây dựng văn phòng làm việc mới</i>	<i>1.381.792.794</i>	<i>1.456.077.597</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>2.837.870.391</i>
<i>Chi phí xây dựng bến thủy tạm thời</i>	<i>84.161.773</i>	<i>4.653.147.869</i>	<i>(4.737.309.642)</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
<i>Chi phí xây dựng nhà kho nguyên vật liệu</i>	<i>1.314.989.118</i>	<i>3.593.277.312</i>	<i>(4.908.266.430)</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
Sửa chữa lớn, nâng cấp tài sản cố định	375.470.647	1.040.000.344	(1.415.470.991)	-	-
<b>Cộng</b>	<b>52.508.902.747</b>	<b>17.131.719.087</b>	<b>(14.681.050.041)</b>	<b>(5.168.663.636)</b>	<b>49.790.908.157</b>

**14. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại**

Tập đoàn chỉ có tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã ghi nhận liên quan đến các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ. Chi tiết như sau:

	Ghi nhận vào kết quả kinh doanh		
	Số đầu năm	trong năm	Số cuối năm
Các chi phí phải trả	934.569.683	(847.172.661)	87.397.022
Giao dịch nội bộ	3.156.227.283	440.228.958	3.596.456.241
<b>Cộng</b>	<b>4.090.796.966</b>	<b>(406.943.703)</b>	<b>3.683.853.263</b>

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại là 20% (năm trước là 22%).

**15. Lợi thế thương mại**

	Nguyên giá	Giá trị phân bổ	Giá trị còn lại
Số đầu năm	2.945.559.970	1.669.150.650	1.276.409.320



**CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG**

Địa chỉ: Số 26-27, lô I, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

	<u>Nguyên giá</u>	<u>Giá trị phân bổ</u>	<u>Giá trị còn lại</u>
Phân bổ trong năm	-	589.111.994	-
<b>Số cuối năm</b>	<b><u>2.945.559.970</u></b>	<b><u>2.258.262.644</u></b>	<b><u>687.297.326</u></b>

**16. Phải trả người bán****16a. Phải trả người bán ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b>Phải trả các bên liên quan</b>	<b><u>1.042.471.553.670</u></b>	<b><u>2.354.199.032.858</u></b>
Tổng Công ty đầu tư và phát triển công nghiệp – TNHH MTV	927.828.393.826	455.676.267.382
Công ty cổ phần dược Becamex	91.283.617.548	121.453.617.548
Công ty cổ phần xi măng Hà Tiên Kiên Giang	834.165.000	-
Công ty cổ phần kinh doanh và đầu tư Bình Dương	-	1.766.502.482.217
Công ty cổ phần bê tông Becamex	479.858.343	1.075.455.201
Công ty cổ phần khoáng sản Becamex	22.035.935.753	9.490.274.410
Công ty liên doanh TNHH SinViet	9.583.200	936.100
<b>Phải trả cho các đối tượng khác</b>	<b><u>298.364.068.822</u></b>	<b><u>292.460.167.277</u></b>
Công ty TNHH xây dựng – thương mại Nguyễn Hoàng	8.982.080.399	19.451.048.970
Công ty TNHH đầu tư xây dựng thương mại Minh Đức Trung	7.806.283.827	4.126.120.868
Công ty cổ phần khoáng sản và xây dựng Bình Dương	5.367.000.625	11.898.846.610
Công ty TNHH VISIP Hải Phòng	24.145.443.560	24.145.443.560
Doanh nghiệp tư nhân Đại Thiên Phú	14.423.836.032	13.802.065.195
Công ty TNHH thương mại và sản xuất Thép Việt	12.903.905.355	-
Phải trả cho các đối tượng khác	224.735.519.024	219.036.642.074
<b>Cộng</b>	<b><u>1.340.835.622.492</u></b>	<b><u>2.646.659.200.135</u></b>

**16b. Phải trả người bán dài hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b>Phải trả các bên liên quan</b>	<b><u>1.471.578.982.217</u></b>	<b><u>-</u></b>
Công ty cổ phần kinh doanh và đầu tư Bình Dương	791.168.482.217	-
Tổng công ty đầu tư và phát triển công nghiệp - TNHH MTV	680.410.500.000	-
<b>Cộng</b>	<b><u>1.471.578.982.217</u></b>	<b><u>-</u></b>

**16c. Nợ quá hạn chưa thanh toán**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty TNHH VSIP Hải Phòng	24.145.443.560	24.145.443.560
Công ty TNHH xây dựng thương mại Nguyễn Hoàng	5.121.348.125	17.884.519.347
Nợ quá hạn của các nhà cung cấp khác	79.789.971.884	98.432.765.956
<b>Cộng</b>	<b><u>109.056.763.569</u></b>	<b><u>140.462.728.863</u></b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG**

Địa chỉ: Số 26-27, lô I, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất** (tiếp theo)**17. Người mua trả tiền trước****17a. Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Trả trước của bên liên quan</i>	<b>263.910.417.283</b>	<b>257.070.429.514</b>
Tổng Công ty đầu tư và phát triển công nghiệp - TNHH MTV	263.910.417.283	257.070.429.514
<i>Trả trước của các khách hàng khác</i>	<b>30.563.152.864</b>	<b>83.894.766.096</b>
<b>Cộng</b>	<b><u>294.473.570.147</u></b>	<b><u>340.965.195.610</u></b>

**17b. Người mua trả tiền trước dài hạn**

Khoản ứng trước của các khách hàng mua hàng hóa bất động sản.

**18. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	<u>Số đầu năm</u>		<u>Số phát sinh trong năm</u>		<u>Số cuối năm</u>	
	<u>Phải nộp</u>	<u>Phải thu</u>	<u>Số phải nộp</u>	<u>Số đã thực nộp</u>	<u>Phải nộp</u>	<u>Phải thu</u>
Thuế GTGT hàng bán nội địa	1.634.605.927	(45.741.978)	13.518.640.971	(12.368.966.818)	2.738.538.102	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	28.361.024.379	(408.880.870)	40.047.821.449	(30.782.414.610)	37.217.550.348	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp tạm nộp từ tiền nhận trước từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản	50.925.884	-	366.210.680	(191.282.296)	225.854.268	-
Thuế thu nhập cá nhân	90.715.299	(620.151.082)	529.747.196	(325.198.021)	-	(324.886.608)
Thuế tài nguyên	151.912.000	-	1.113.304.000	(1.133.584.000)	131.632.000	-
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	-	644.431.288	(643.950.888)	480.400	-
Thuế môn bài	-	-	6.000.000	(6.000.000)	-	-
Thuế và lệ phí khác	37.978.000	-	5.648.162.994	(5.653.121.394)	33.019.600	-
<b>Cộng</b>	<b><u>30.327.161.489</u></b>	<b><u>(1.074.773.930)</u></b>	<b><u>61.874.318.578</u></b>	<b><u>(51.104.518.027)</u></b>	<b><u>40.347.074.718</u></b>	<b><u>(324.886.608)</u></b>

**Thuế giá trị gia tăng**

Tập đoàn nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất thuế giá trị gia tăng là 10%.

**Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Tập đoàn phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 22%.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Tập đoàn được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Theo Luật số 32/2013/QH13 về sửa đổi bổ sung một số điều của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII kỳ họp thứ 5 thông

**CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG**

Địa chỉ: Số 26-27, lô I, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất** (tiếp theo)

qua ngày 19 tháng 6 năm 2013, thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp phổ thông giảm từ 22% xuống còn 20% từ ngày 01 tháng 01 năm 2016.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm bao gồm:

- Công ty cổ phần xi măng Hà Tiên Kiên Giang - Becamex	460.489.363
- Công ty cổ phần kinh doanh và phát triển Bình Dương	37.602.954.038
- Công ty cổ phần vật liệu xây dựng Becamex	1.984.378.048
<b>Cộng</b>	<b>40.047.821.449</b>

**Thuế thu nhập doanh nghiệp tạm nộp cho số tiền nhận trước từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản**

Tập đoàn phải tạm nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 1% trên số tiền nhận trước từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản theo quy định tại Thông tư 78/2014/TT-BTC ngày 18 tháng 6 năm 2014 của Bộ Tài chính. Tập đoàn sẽ quyết toán lại số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cho hoạt động này khi bàn giao bất động sản.

**Các loại thuế khác**

Tập đoàn kê khai và nộp theo quy định.

**19. Phải trả người lao động**

Tiền lương, thưởng và tiền phép năm còn phải trả cho nhân viên.

**20. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b>Phải trả bên liên quan</b>	<b>24.043.850.855</b>	<b>17.204.545.050</b>
Tổng Công ty đầu tư và phát triển công nghiệp – TNHH MTV – Lãi trả chậm cổ tức	24.043.850.855	17.204.545.050
<b>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</b>	<b>298.429.395.794</b>	<b>579.462.344.982</b>
Chi phí lãi vay	9.363.845.289	419.601.696
Trích trước chi phí hoa hồng	-	14.581.818
Trích trước chi phí công trình	288.809.179.792	578.855.078.867
Chi phí khác	256.370.713	173.082.601
<b>Cộng</b>	<b>322.473.246.649</b>	<b>596.666.890.032</b>

**21. Phải trả khác****21a. Phải trả ngắn hạn khác**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b>Phải trả bên liên quan</b>	<b>160.311.650.000</b>	<b>200.311.650.000</b>
Tổng Công ty đầu tư và phát triển công nghiệp – TNHH MTV – Cổ tức phải trả	160.311.650.000	200.311.650.000
<b>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</b>	<b>41.251.746.589</b>	<b>35.914.563.699</b>
Kinh phí công đoàn, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	1.396.258.421	984.213.547
Cổ tức phải trả	712.937.192	191.715.392
Tiền thanh lý hợp đồng các dự án chưa chi cho khách hàng	19.738.876.276	27.124.671.144
Hoa hồng môi giới	202.812.412	148.867.703
Thu tiền đặt cọc, giữ chỗ cho các dự án	7.897.673.010	5.740.602.000

**CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG**

Địa chỉ: Số 26-27, lô I, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
Phải trả tiền mua cổ phần	9.105.447.834	-
Tạm thu thuế thu nhập cá nhân	-	732.435.111
Các khoản phải trả, phải nộp khác	2.197.741.444	992.058.802
<b>Cộng</b>	<b>201.563.396.589</b>	<b>236.226.213.699</b>

**21b. Phải trả dài hạn khác**

	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
Phí bảo trì dự án TDC Plaza	5.745.343.034	5.664.431.391
Thu hộ thuế thu nhập cá nhân – cá nhân hợp đồng góp vốn	-	442.330.080
Nhận ký quỹ dài hạn	225.000.000	174.989.000
Các khoản phải trả dài hạn khác	-	140.810.000
<b>Cộng</b>	<b>5.970.343.034</b>	<b>6.422.560.471</b>

**21c. Nợ quá hạn chưa thanh toán**

Tập đoàn không có nợ quá hạn chưa thanh toán.

**22. Vay và nợ tài chính****22a. Vay và nợ tài chính ngắn hạn**

	<b>Số cuối năm</b>		<b>Số đầu năm</b>	
	<b>Giá trị</b>	<b>Số có khả năng trả nợ</b>	<b>Giá trị</b>	<b>Số có khả năng trả nợ</b>
<b>Vay ngắn hạn ngân hàng</b>	<b>1.358.998.971.261</b>	<b>1.358.998.971.261</b>	<b>612.725.665.781</b>	<b>612.725.665.781</b>
Ngân hàng thương mại cổ phần đầu tư và phát triển Việt Nam – Chi nhánh Bình Dương <sup>(i)</sup>	706.480.184.866	706.480.184.866	461.874.379.681	461.874.379.681
Ngân hàng liên doanh VID Public – Chi nhánh Bình Dương <sup>(ii)</sup>	41.899.728.292	41.899.728.292	107.292.069.800	107.292.069.800
Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Bình Dương <sup>(iii)</sup>	114.274.570.442	114.274.570.442	43.559.216.300	43.559.216.300
Ngân hàng thương mại cổ phần công thương Việt Nam <sup>(iv)</sup>	21.010.487.661	21.010.487.661	-	-
Ngân hàng thương mại cổ phần Hàng Hải Việt Nam <sup>(v)</sup>	475.334.000.000	475.334.000.000	-	-
<b>Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.22b)</b>	<b>82.558.587.083</b>	<b>82.558.587.083</b>	<b>33.589.200.000</b>	<b>33.589.200.000</b>
<b>Cộng</b>	<b>1.441.557.558.344</b>	<b>1.441.557.558.344</b>	<b>646.314.865.781</b>	<b>646.314.865.781</b>

(i) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần đầu tư và phát triển Việt Nam – Chi nhánh Bình Dương để thanh toán tiền hàng với lãi suất được quy định cụ thể trong từng khế ước nhận nợ. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp một số tài sản cố định hữu hình và vô hình của Tập đoàn (xem thuyết minh số V.9 và V.10).

(ii) Khoản vay Ngân hàng liên doanh VID Public – Chi nhánh Bình Dương để thanh toán tiền hàng với lãi suất được quy định cụ thể trong từng khế ước nhận nợ. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp quyền sử dụng đất tại khu đô thị - Công nghiệp dịch vụ VSIP Hải phòng (xem thuyết minh số V.7).

**CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG**

Địa chỉ: Số 26-27, lô I, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

- (iii) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Bình Dương để thanh toán tiền hàng với lãi suất được quy định cụ thể trong từng khế ước nhận nợ. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp phương tiện vận tải là tài sản cố định hữu hình của Tập đoàn (xem thuyết minh số V.9).
- (iv) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần công thương Việt Nam – Chi nhánh Bình Dương để thanh toán tiền hàng với lãi suất được quy định cụ thể trong từng khế ước nhận nợ. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp Quyền sử dụng đất Phú Chánh C, D.
- (v) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần Hàng Hải Việt Nam – Chi nhánh TP.HCM để thanh toán tiền đầu tư dự án Dragon Hill với lãi suất được quy định cụ thể trong từng khế ước nhận nợ.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn trong năm như sau:

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong năm	Kết chuyển từ vay và nợ dài hạn	Số tiền vay đã trả trong năm	Số cuối năm
Vay ngắn hạn ngân hàng	612.725.665.781	1.428.110.603.943	-	(681.837.298.463)	1.358.998.971.261
Vay dài hạn đến hạn trả	33.589.200.000	-	81.458.587.083	(32.489.200.000)	82.558.587.083
<b>Cộng</b>	<b>646.314.865.781</b>	<b>1.428.110.603.943</b>	<b>81.458.587.083</b>	<b>(714.326.498.463)</b>	<b>1.441.557.558.344</b>

**22b. Vay và nợ tài chính dài hạn**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>Trái phiếu thường</b>	<b>886.983.345.970</b>	<b>900.000.000.000</b>	<b>395.995.151.514</b>	<b>400.000.000.000</b>
Mệnh giá trái phiếu <sup>(i),(ii)</sup>	900.000.000.000	900.000.000.000	400.000.000.000	400.000.000.000
Chi phí phát hành trái phiếu	(13.016.654.030)		(4.004.848.486)	
<b>Vay dài hạn ngân hàng</b>	<b>54.099.229.513</b>	<b>54.099.229.513</b>	<b>116.844.951.921</b>	<b>116.844.951.921</b>
Ngân hàng thương mại cổ phần đầu tư và phát triển Việt Nam – Chi nhánh Bình Dương <sup>(iii)</sup>	2.627.729.513	2.627.729.513	48.924.751.921	48.924.751.921
Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Bình Dương <sup>(iv)</sup>	51.302.000.000	51.302.000.000	67.408.000.000	67.408.000.000
Ngân hàng thương mại cổ phần đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh Mỹ Phước <sup>(v)</sup>	-	-	185.500.000	185.500.000
Ngân hàng thương mại cổ phần Quân đội – Chi nhánh Bình Dương <sup>(vi)</sup>	169.500.000	169.500.000	326.700.000	326.700.000
<b>Cộng</b>	<b>941.082.575.483</b>	<b>954.099.229.513</b>	<b>512.840.103.435</b>	<b>516.844.951.921</b>

- (i) Trái phiếu thường và có đảm bảo kỳ hạn 5 năm, được phát hành cho Ngân hàng thương mại cổ phần Đông Nam Á để thanh toán mua đất khu Phú Chánh C, D cho Tổng Công ty đầu tư và phát triển công nghiệp – TNHH MTV.
- Ngày phát hành: 27/12/2014
  - Ngày đáo hạn: 27/12/2019
  - Kỳ trả lãi: 6 tháng/lần.
  - Lãi suất: Năm đầu tiên: 12%/năm. Từ kỳ thứ ba trở đi lãi suất trái phiếu được xác định theo nguyên tắc bằng tổng của lãi suất tham chiếu được xác định bằng trung bình cộng lãi suất

## **CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG**

Địa chỉ: Số 26-27, lô I, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

### **BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất** (tiếp theo)

---

tiền gửi tiết kiệm cá nhân bằng VND trả lãi sau, kỳ hạn 12 tháng của 04 ngân hàng gồm Ngân hàng thương mại cổ phần đầu tư và phát triển Việt Nam, Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam, Ngân hàng thương mại cổ phần công thương Việt Nam và Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam tại ngày xác định lãi suất cộng biên độ 4,0%.

- Tài sản Bảo đảm: 16 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có tổng diện tích 119.296,1 m<sup>2</sup> quy hoạch xây dựng khu nhà liên kế, nhà phố thuộc dự án Khu dân cư Hòa Lợi nằm trong Khu liên hợp Công nghiệp – Dịch vụ đô thị Bình Dương, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương thuộc sở hữu của Tổng Công ty đầu tư và phát triển công nghiệp – TNHH MTV (Becamex IDC).

(ii) Trái phiếu thường và có đảm bảo kỳ hạn 5 năm được phát hành cho Ngân hàng thương mại cổ phần Hàng Hải Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh để thanh toán tiền đầu tư dự án Dragon Hill cho Công ty cổ phần kinh doanh và đầu tư Bình Dương.

- Ngày phát hành: 30/09/2015
- Ngày đáo hạn: 30/09/2020
- Số lượng trái phiếu phát hành: 500 trái phiếu
- Giá mua trái phiếu: 1.000.000.000 VND/trái phiếu.
- Kỳ trả lãi: 6 tháng/lần.
- Lãi suất: Năm đầu tiên: 11,5%/năm. Từ kỳ thứ ba trở đi lãi suất trái phiếu được điều chỉnh theo kỳ điều chỉnh lãi suất 6 tháng/lần và xác định theo nguyên tắc bằng tổng của lãi suất tham chiếu được xác định bằng trung bình cộng lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân bằng VND trả lãi sau, kỳ hạn 12 tháng của 04 ngân hàng gồm Ngân hàng thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Sở giao dịch, Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội, Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam - chi nhánh Hà Nội và Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Sở giao dịch tại ngày xác định lãi suất cộng biên độ 3,5%/năm.

Tài sản Bảo đảm: 13 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thuộc sở hữu của Tổng Công ty đầu tư và phát triển công nghiệp – TNHH MTV (Becamex IDC).

(iii) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bình Dương để đầu tư xây dựng dự án khu phố thương mại Uni-Town (giai đoạn 1) với lãi suất 9,5% năm. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản của Tập đoàn bao gồm 07 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương trị giá 556.668.000.000 VND (xem thuyết minh số V.10).

(iv) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Bình Dương để mua Nhà máy sản xuất bê tông Sóng Thần 3 và Mỹ Phước 1 với lãi suất năm đầu tiên là 8,5%/năm, từ năm thứ 2 trở đi áp dụng lãi suất cho vay dài hạn VND cộng biên độ 3,3%. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp 1 phần khoản tiền gửi có kỳ hạn và một số tài sản cố định hữu hình (xem thuyết minh số V.1 và V.9).

(v) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần đầu tư và phát triển Việt Nam – Chi nhánh Mỹ Phước để mua sắm xe ô tô tải phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay (xem thuyết minh số V.9).

(vi) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần Quân đội – Chi nhánh Bình Dương để mua sắm tài sản cố định, thời hạn vay 48 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản cố định hữu hình (xem thuyết minh số V.9).

**CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG**

Địa chỉ: Số 26-27, lô I, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay dài hạn như sau:

	<b>Tổng nợ</b>	<b>Từ 1 năm trở xuống</b>	<b>Trên 1 năm đến 5 năm</b>
<b>Số cuối năm</b>			
Vay dài hạn ngân hàng	136.657.816.596	82.558.587.083	54.099.229.513
Trái phiếu thường	886.983.345.970	-	886.983.345.970
<b>Cộng</b>	<b>1.023.641.162.566</b>	<b>82.558.587.083</b>	<b>941.082.575.483</b>
<b>Số đầu năm</b>			
Vay dài hạn ngân hàng	150.434.151.921	33.589.200.000	116.844.951.921
Trái phiếu thường	395.995.151.514	-	395.995.151.514
<b>Cộng</b>	<b>546.429.303.435</b>	<b>33.589.200.000</b>	<b>512.840.103.435</b>

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn trong năm như sau:

	<b>Số đầu năm</b>	<b>Số tiền vay phát sinh trong năm</b>	<b>Số kết chuyển sang nợ ngắn hạn</b>	<b>Số tiền vay đã trả trong năm</b>	<b>Chi phí phát hành trái phiếu phát sinh trong năm</b>	<b>Phân bổ chi phí phát hành trái phiếu</b>	<b>Số cuối năm</b>
Vay dài hạn ngân hàng	116.844.951.921	18.762.864.675	(81.458.587.083)	(50.000.000)	-	-	54.099.229.513
Trái phiếu thường	395.995.151.514	500.000.000.000	-	-	(10.850.000.000)	1.838.194.456	886.983.345.970
Mệnh giá trái phiếu	400.000.000.000	500.000.000.000	-	-	-	-	900.000.000.000
Chi phí phát hành trái phiếu	(4.004.848.486)	-	-	-	(10.850.000.000)	1.838.194.456	(13.016.654.030)
<b>Cộng</b>	<b>512.840.103.435</b>	<b>518.762.864.675</b>	<b>(81.458.587.083)</b>	<b>(50.000.000)</b>	<b>(10.850.000.000)</b>	<b>1.838.194.456</b>	<b>941.082.575.483</b>

**22c. Vay và nợ thuê tài chính quá hạn chưa thanh toán**

Tập đoàn không có các khoản vay và nợ thuê tài chính quá hạn chưa thanh toán.

**23. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn**

Tiền lãi bán nhà trả góp.

**24. Dự phòng phải trả****24a. Dự phòng phải trả ngắn hạn**

Dự phòng nợ phải trả ngắn hạn liên quan đến công trình xây dựng. Chi tiết phát sinh như sau:

Số đầu năm	6.201.754.532
Tăng do trích lập	700.926.285
Số hoàn nhập trong năm	(3.721.761.346)
<b>Số cuối năm</b>	<b>3.180.919.471</b>

**24b. Dự phòng phải trả dài hạn**

Dự phòng nợ phải trả dài hạn liên quan đến công trình xây dựng. Chi tiết phát sinh như sau:

Số đầu năm	2.512.544.185
Tăng do trích lập	1.408.018.529
Số hoàn nhập	(93.682.785)
<b>Số cuối năm</b>	<b>3.826.879.929</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG**

Địa chỉ: Số 26-27, lô I, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất** (tiếp theo)**25. Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

	<b>Số đầu năm</b>	<b>Tăng do trích lập từ lợi nhuận</b>	<b>Chi quỹ trong năm</b>	<b>Tăng khác</b>	<b>Số cuối năm</b>
Quỹ khen thưởng	(3.910.236.077)	6.651.360.141	(6.997.962.120)	20.000.000	(4.236.838.056)
Quỹ phúc lợi	1.525.865.730	126.459.266	(139.099.998)	25.900.000	1.539.124.998
Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành	335.497.963	1.353.398.125	(985.252.160)	-	703.643.928
<b>Cộng</b>	<b>(2.048.872.384)</b>	<b>8.131.217.532</b>	<b>(8.122.314.278)</b>	<b>45.900.000</b>	<b>(1.994.069.130)</b>

Khoản chi quỹ vượt nguồn được trình bày ở khoản mục “Phải thu ngắn hạn khác”.

**26. Vốn chủ sở hữu****26a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở Phụ lục 01 đính kèm.

**26b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
Tổng Công ty đầu tư và phát triển công nghiệp - TNHH MTV	607.005.000.000	607.005.000.000
Các cổ đông khác	392.995.000.000	392.995.000.000
<b>Cộng</b>	<b>1.000.000.000.000</b>	<b>1.000.000.000.000</b>

**26c. Cổ phiếu**

	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	100.000.000	100.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	100.000.000	100.000.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>100.000.000</i>	<i>100.000.000</i>
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	-	-
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	100.000.000	100.000.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>100.000.000</i>	<i>100.000.000</i>
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

**26d. Phân phối lợi nhuận**

Trong năm, Tập đoàn đã phân phối lợi nhuận năm 2014 của Công ty mẹ theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2015 ngày 22 tháng 4 năm 2015 như sau:

	<b>VND</b>
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi (5,5% lợi nhuận sau thuế)	6.169.038.228
Trích thù lao Hội đồng quản trị - Ban kiểm soát – Thư ký	560.000.000
Trích thưởng Ban điều hành	560.000.000
Chi trả cổ tức (10% mệnh giá)	100.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>107.289.038.228</b>



## CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Số 26-27, lô I, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất** (tiếp theo)

#### 27. Lợi ích cổ đông không kiểm soát

Lợi ích cổ đông không kiểm soát thể hiện phần quyền lợi của các cổ đông không kiểm soát trong giá trị tài sản thuần của các công ty con. Tình hình biến động lợi ích của cổ đông không kiểm soát được trình bày ở Phụ lục 01 đính kèm.

#### 28. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

##### 28a. Ngoại tệ các loại

Tại ngày kết thúc năm tài chính, tiền và các khoản tương đương tiền của Tập đoàn bao gồm 176,90 USD (số đầu năm là 198,57 USD).

##### 28b. Nợ khó đòi đã xử lý

Tập đoàn có nợ khó đòi đã xử lý liên quan đến khoản phải thu tiền bán vật liệu xây dựng cho Công ty TNHH một thành viên xây dựng Trần Hòa Phát và Doanh nghiệp tư nhân Hiệp Thành với số tiền lần lượt là 4.117.350 VND và 10.106.927 VND đã được xóa sổ do 2 công ty này đã giải thể.

## VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

### 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

#### 1a. Tổng doanh thu

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu kinh doanh vật liệu xây dựng	152.394.446.940	304.896.302.803
Doanh thu bán thành phẩm	504.046.030.123	236.929.118.791
Doanh thu xây dựng và kinh doanh bất động sản	943.910.781.109	1.406.465.892.235
Doanh thu cung cấp dịch vụ	14.304.168.569	11.075.969.057
<b>Cộng</b>	<b>1.614.655.426.740</b>	<b>1.959.367.282.886</b>

#### 1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các công ty liên doanh, liên kết được trình bày ở thuyết minh số V.2b. Giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan không phải là công ty liên doanh, liên kết như sau:

	Năm nay	Năm trước
<b>Tổng Công ty đầu tư và phát triển công nghiệp-TNHH MTV</b>		
Xuất bán hàng hoá và dịch vụ	58.804.318.848	200.544.445.906
Thi công công trình	367.371.327.180	327.065.184.904
Chuyển nhượng quyền sử dụng đất	-	355.482.371.916
<b>Công ty cổ phần xây dựng và giao thông Bình Dương</b>		
Bán nguyên vật liệu, thành phẩm	26.468.265.535	18.487.755.888
Chuyển nhượng bất động sản	418.856.040.000	-
Cung cấp dịch vụ	1.003.945.941	667.372.249
<b>Công ty cổ phần bê tông Becamex</b>		
Bán nguyên vật liệu	2.798.465.060	7.158.378.165
<b>Công ty cổ phần bệnh viện Mỹ Phước</b>		
Xây dựng công trình	11.889.373.592	145.514.076.386
Bán thành phẩm	-	6.081.816

**CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG**

Địa chỉ: Số 26-27, lô I, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất** (tiếp theo)

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Cung cấp dịch vụ	241.636.360	162.200.002
<b><i>Công ty cổ phần phát triển hạ tầng kỹ thuật</i></b>		
Bán nguyên vật liệu	22.929.199	75.468.000
<b><i>Công ty cổ phần phát triển đô thị</i></b>		
Bán nguyên vật liệu, thành phẩm	101.663.000	3.305.455
<b><i>Công ty TNHH MTV cấp thoát nước - môi trường Bình Dương</i></b>		
Bán vật liệu xây dựng	715.054.249	-
Cung cấp dịch vụ	41.645.362	-
<b><i>Công ty cổ phần đầu tư và kinh doanh bất động sản</i></b>		
Bán vật liệu xây dựng	17.656.362	-
<b><i>Công ty cổ phần phát triển giáo dục Miền Đông</i></b>		
Thi công công trình	-	2.367.879.804
<b>2. Các khoản giảm trừ doanh thu</b>		
Khoản giảm trừ doanh thu trong năm là hàng hóa bất động sản bị trả lại.		
<b>3. Giá vốn hàng bán</b>		
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn kinh doanh vật liệu xây dựng	129.265.403.322	276.400.145.968
Giá vốn thành phẩm	406.451.027.319	164.158.790.930
Giá vốn xây dựng và kinh doanh bất động sản	605.334.643.130	958.471.854.770
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	9.341.918.045	9.353.025.227
<b>Cộng</b>	<b><u>1.150.392.991.816</u></b>	<b><u>1.408.383.816.895</u></b>
<b>4. Doanh thu hoạt động tài chính</b>		
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	6.253.670.186	343.477.903
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	266.619.179	320.882.696
Lãi bán hàng trả chậm	688.418.405	991.514.009
Cổ tức, lợi nhuận được chia	2.195.722.880	3.406.881.600
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	-	8.933.549
Doanh thu hoạt động tài chính khác	227.485.855	352.990.617
<b>Cộng</b>	<b><u>9.631.916.505</u></b>	<b><u>5.424.680.374</u></b>
<b>5. Chi phí tài chính</b>		
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí lãi vay	134.372.272.319	52.712.349.618
Chi phí lãi trả chậm cổ tức	6.839.305.805	8.123.750.250
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	-	1.963.034.797
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	-	53.620.441
Hoàn nhập dự phòng các khoản đầu tư tài chính	(1.171.014.300)	(1.434.586.101)
Lỗ do thanh lý cổ phiếu	-	686.441.385
Chi phí khác	1.838.194.456	76.135.733

**CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG**

Địa chỉ: Số 26-27, lô I, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
<b>Cộng</b>	<b><u>141.878.758.280</u></b>	<b><u>62.180.746.123</u></b>
<b>6. Chi phí bán hàng</b>		
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	22.758.227.744	23.203.599.479
Chi phí vật liệu	5.291.646.944	743.583.209
Chi phí khấu hao tài sản cố định	7.634.042.601	4.168.417.856
Chi phí hoa hồng môi giới	454.689.760	4.226.447.252
Chi phí dịch vụ thuê ngoài	8.014.507.376	6.765.643.502
Chi phí hàng khuyến mãi	2.182.713.952	3.995.772.305
Chi phí khác	35.233.910.469	44.820.147.736
<b>Cộng</b>	<b><u>81.569.738.846</u></b>	<b><u>87.923.611.339</u></b>
<b>7. Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>		
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	26.185.540.445	25.281.540.784
Chi phí vật liệu quản lý	711.159.291	2.403.355.730
Chi phí khấu hao tài sản cố định	4.707.589.927	4.900.550.540
Thuế, phí và lệ phí	9.968.532	276.776.489
Chi phí dự phòng	4.092.064.612	2.910.195.071
Chi phí khác	17.482.257.616	20.459.529.953
<b>Cộng</b>	<b><u>53.188.580.423</u></b>	<b><u>56.231.948.567</u></b>
<b>8. Thu nhập khác</b>		
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	571.093.687	-
Hoàn nhập dự phòng bảo hành công trình	4.428.111.525	3.649.639.652
Tiền phạt vi phạm hợp đồng	3.613.973.743	9.163.417.656
Thu nhập khác	1.775.303.027	7.402.646.191
<b>Cộng</b>	<b><u>10.388.481.982</u></b>	<b><u>20.215.703.499</u></b>
<b>9. Chi phí khác</b>		
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Phạt do vi phạm hợp đồng	3.556.393.501	-
Lỗ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	-	3.699.412.167
Chi phí khác	2.113.950.878	3.400.634.172
<b>Cộng</b>	<b><u>5.670.344.379</u></b>	<b><u>7.100.046.339</u></b>
<b>10. Lãi trên cổ phiếu</b>		
<b>10a. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu</b>		
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp của cổ đông công ty mẹ	107.292.213.195	116.642.531.344
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	(7.479.401.509)	(8.131.217.532)
Lợi nhuận tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	99.812.811.686	108.511.313.812

## CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Số 26-27, lô I, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất** (tiếp theo)

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ	100.000.000	100.000.000
<b>Lãi cơ bản và suy giảm trên cổ phiếu</b>	<b>998</b>	<b>1.085</b>

#### 10b. Thông tin khác

Lãi cơ bản trên cổ phiếu năm trước được tính toán lại do trừ số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi khi xác định lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu theo hướng dẫn của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính. Việc áp dụng quy định mới này làm cho lãi cơ bản trên cổ phiếu năm trước giảm từ 1.166 VND xuống còn 1.085 VND.

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc năm tài chính đến ngày công bố Báo cáo tài chính hợp nhất này.

#### 11. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	479.454.521.803	445.113.526.032
Chi phí nhân công	93.689.917.275	114.954.947.153
Chi phí khấu hao tài sản cố định	38.749.396.731	35.217.893.346
Chi phí dịch vụ mua ngoài	66.698.268.251	63.187.689.826
Chi phí khác	64.535.880.422	117.686.230.986
<b>Cộng</b>	<b>743.127.984.482</b>	<b>776.160.287.343</b>

## VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

### 1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Tập đoàn bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

#### 1a. *Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành (Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

*Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Tập đoàn không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

*Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Tập đoàn không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

**CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG**

Địa chỉ: Số 26-27, lô I, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất** (tiếp theo)*Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt*

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tiền lương	1.578.000.000	1.640.000.000
Tiền thưởng	177.000.000	751.180.000
<b>Cộng</b>	<b><u>1.755.000.000</u></b>	<b><u>2.391.180.000</u></b>

**1b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác**

Các bên liên quan khác với Tập đoàn gồm:

<b>Bên liên quan</b>	<b>Mối quan hệ</b>
Tổng Công ty đầu tư và phát triển công nghiệp - TNHH MTV	Công ty mẹ
Công ty liên doanh TNHH SinViet	Cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát
Trường Đại học quốc tế Miền Đông	Công ty liên kết
Công ty cổ phần dược Becamex	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty cổ phần xây dựng và giao thông Bình Dương (BCE)	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty cổ phần phát triển hạ tầng kỹ thuật (IJC)	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty cổ phần phát triển đô thị (UDJ)	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty cổ phần bê tông Becamex (ACC)	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty cổ phần khoáng sản Becamex (BMC)	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty cổ phần bệnh viện Mỹ Phước	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty TNHH MTV cấp thoát nước - môi trường Bình Dương	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty cổ phần đầu tư và kinh doanh bất động sản	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty liên doanh TNHH khu công nghiệp Việt Nam Singapore (VSIP)	Công ty liên kết của Công ty mẹ
Công ty cổ phần kinh doanh và đầu tư Bình Dương (ITC)	Công ty liên kết của Công ty mẹ
Công ty cổ phần phát triển giáo dục Miền Đông	Công ty liên kết của Công ty mẹ
Công ty cổ phần Seatibecamex	Công ty liên kết của Công ty mẹ
Công ty cổ phần xi măng Hà Tiên Kiên Giang	Công ty góp vốn vào Công ty cổ phần xi măng Hà Tiên Kiên Giang – Becamex

*Giao dịch với các bên liên quan khác*

Ngoài các giao dịch phát sinh với các công ty liên doanh, liên kết được trình bày ở thuyết minh số V.2b cũng như giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan khác không phải là công ty liên doanh, liên kết được trình bày tại thuyết minh VI.1b, Tập đoàn còn phát sinh các giao dịch với các bên liên quan khác không phải là công ty liên doanh, liên kết như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
<b>Tổng Công ty đầu tư và phát triển công nghiệp – TNHH MTV</b>		
Cổ tức phải trả	60.700.500.000	84.980.700.000
Mua nguyên vật liệu	-	77.326.050.539
Phí dịch vụ và tiền thuê đất	829.644.352	418.546.719
Nhận cung cấp dịch vụ	-	6.678.160.685
Lãi trả chậm cổ tức	6.839.305.805	8.123.750.250
Mua tài sản	-	1.199.432.131
Nhận chuyển nhượng đất	1.178.484.396.132	-
<b>Công ty cổ phần kinh doanh và đầu tư Bình Dương</b>		

## CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Số 26-27, lô I, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất** (tiếp theo)

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tiền mua dự án đầu tư khu đô thị thành phố mới Bình Dương	-	1.630.088.595.645
<b><i>Công ty cổ phần phát triển đô thị</i></b>		
Mua nguyên vật liệu	-	1.110.256.316
Mua tài sản	-	63.205.743.685
Trả tiền mua cổ phần	-	5.010.245.948
<b><i>Công ty cổ phần bê tông Becamex</i></b>		
Mua nguyên vật liệu	2.233.600	641.023.781
<b><i>Công ty cổ phần dược Becamex</i></b>		
Mua đất nền	19.104.903.790	32.108.116.727
Cổ tức được chia	70.000.000	71.400.000
Nhận cung cấp dịch vụ	-	23.374.500
<b><i>Công ty cổ phần bệnh viện Mỹ Phước</i></b>		
Mua dịch vụ	-	1.183.600
Cổ tức được chia	-	2.720.000.000
<b><i>Công ty cổ phần khoáng sản Becamex</i></b>		
Mua nguyên vật liệu	27.029.197.724	16.645.928.210
Cổ tức được chia	346.967.200	216.854.500
<b><i>Công ty cổ phần xi măng Hà Tiên Kiên Giang</i></b>		
Mua nguyên vật liệu	1.745.713.513	804.262.441
Mượn tiền	-	500.000.000

Giá hàng hóa và dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan là giá thỏa thuận. Việc mua hàng hóa và dịch vụ từ các bên liên quan được thực hiện theo giá thỏa thuận.

Ngoài ra, Tập đoàn còn dùng 16 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có tổng diện tích là 119.296,1 m<sup>2</sup> nằm trong Khu liên hợp Công nghiệp – Dịch vụ đô thị Bình Dương, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương làm tài sản đảm bảo cho việc phát hành trái phiếu cho Tổng Công ty đầu tư và phát triển công nghiệp TNHH - MTV.

*Công nợ với các bên liên quan khác*

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.3, V.5b, V.16, V.17a, V20 và V.21a.

Các khoản công nợ phải thu không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu từ các bên liên quan.

## 2. Thông tin về bộ phận

Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh dựa trên cơ cấu tổ chức, quản lý nội bộ.

### 2a. Lĩnh vực kinh doanh

Tập đoàn có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực thương mại: kinh doanh vật liệu xây dựng.
- Lĩnh vực sản xuất: sản xuất bê tông nhựa nóng, sản xuất cửa các loại và sản xuất xi măng.
- Lĩnh vực xây dựng, kinh doanh bất động sản: xây dựng và kinh doanh các căn hộ.

Thông tin về lĩnh vực kinh doanh theo bộ phận của Tập đoàn được trình bày ở Phụ lục 02 đính kèm.

## CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Số 26-27, lô I, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất** (tiếp theo)

#### 2b. *Khu vực địa lý*

Hoạt động của Tập đoàn được phân bố chủ yếu ở khu vực miền Nam Việt Nam.

#### 3. *Số liệu so sánh*

Như đã trình bày tại thuyết minh số III.1, từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 Tập đoàn đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Tập đoàn đã trình bày lại các số liệu so sánh theo quy định của Chế độ kế toán doanh nghiệp mới này. Chi tiết như sau:

	<b>Mã số</b>	<b>Số liệu trước trình bày lại</b>	<b>Phân loại lại</b>	<b>Số liệu trình bày lại</b>
<b><i>Bảng cân đối kế toán hợp nhất</i></b>				
Phải thu ngắn hạn khác	136	10.929.982.118	5.932.398.318	16.862.380.436
Hàng tồn kho	141	4.288.619.016.726	(1.410.634.260.829)	2.877.984.755.897
Tài sản ngắn hạn khác	155	11.276.184.022	(11.276.184.022)	-
Phải thu dài hạn khác	216	-	6.787.157.872	6.787.157.872
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở đang dài hạn	241	-	1.410.634.260.829	1.410.634.260.829
Chi phí trả trước dài hạn	261	19.729.132.113	(4.004.848.486)	15.724.283.627
Tài sản dài hạn khác	268	1.443.372.167	(1.443.372.167)	-
Phải trả ngắn hạn khác	319	242.473.785.170	(6.247.571.471)	236.226.213.699
Phải trả dài hạn khác	337	174.989.000	6.247.571.471	6.422.560.471
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	516.844.951.921	(4.004.848.486)	512.840.103.435
Quỹ dự phòng tài chính		13.924.712.512	(13.924.712.512)	-
Quỹ đầu tư phát triển	418	28.807.134.495	13.924.712.512	42.731.847.007
<b><i>Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất</i></b>				
Thu nhập khác	31	29.493.010.269	(9.277.306.770)	20.215.703.499
Chi phí khác	32	16.377.353.109	(9.277.306.770)	7.100.046.339

#### 4. *Quản lý rủi ro tài chính*

Hoạt động của Tập đoàn phát sinh các rủi ro tài chính sau: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường. Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm trong việc thiết lập các chính sách và các kiểm soát nhằm giảm thiểu các rủi ro tài chính cũng như giám sát việc thực hiện các chính sách và các kiểm soát đã thiết lập.

##### 4a. *Rủi ro tín dụng*

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Tập đoàn.

Tập đoàn có các rủi ro tín dụng phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng và tiền gửi ngân hàng.

##### *Phải thu khách hàng*

Tập đoàn giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt. Các khách hàng liên quan đến hoạt động thương mại và sản xuất chủ yếu là Tổng Công ty đầu tư và phát triển công nghiệp – TNHH MTV và các công ty cùng Tập đoàn nên khả năng thu hồi vốn luôn được đảm bảo. Đối với hoạt động kinh doanh bất động sản, Tập đoàn yêu cầu khách hàng phải thanh toán đầy đủ và đúng tiến độ mới bàn giao nhà cho khách hàng. Riêng đối với trường hợp mua nhà trả trong nhiều năm, bộ phận kinh doanh bất động sản theo dõi chi tiết thời hạn thanh toán để có thể thu tiền đúng tiến độ.

## CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Số 26-27, lô I, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất** (tiếp theo)

Bên cạnh đó, nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc các bộ phận khác để thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Tập đoàn liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng là thấp.

#### *Tiền gửi ngân hàng*

Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và không có kỳ hạn của Tập đoàn được gửi tại các ngân hàng có uy tín do vậy rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Mức độ rủi ro tín dụng tối đa đối với các tài sản tài chính là giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính (xem thuyết minh số VII.5 về giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính).

Bảng phân tích về thời gian quá hạn và giảm giá của các tài sản tài chính như sau:

	<b>Chưa quá hạn hay chưa bị giảm giá</b>	<b>Đã quá hạn nhưng không giảm giá</b>	<b>Đã quá hạn và/hoặc bị giảm giá</b>	<b>Cộng</b>
<b>Số cuối năm</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	29.687.480.920	-	-	29.687.480.920
Chứng khoán kinh doanh	-	-	4.893.028.550	4.893.028.550
Phải thu khách hàng	1.205.916.210.932	476.515.000	15.863.617.747	1.222.256.343.679
Các khoản phải thu khác	13.222.374.864	-	604.325.204	13.826.700.068
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	46.460.000.000	-	7.000.000.000	53.460.000.000
<b>Cộng</b>	<b>1.295.286.066.716</b>	<b>476.515.000</b>	<b>28.360.971.501</b>	<b>1.324.123.553.217</b>
<b>Số đầu năm</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	32.262.470.401	-	-	32.262.470.401
Chứng khoán kinh doanh	-	-	4.893.028.550	4.893.028.550
Phải thu khách hàng	1.265.517.581.194	2.332.607.779	9.917.093.424	1.277.767.282.397
Các khoản phải thu khác	6.922.249.545	-	604.325.204	7.526.574.749
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	46.460.000.000	-	7.000.000.000	53.460.000.000
<b>Cộng</b>	<b>1.351.162.301.140</b>	<b>2.332.607.779</b>	<b>22.414.447.178</b>	<b>1.375.909.356.097</b>

Chi tiết thời gian quá hạn của khoản phải thu khách hàng đã quá hạn nhưng không giảm giá như sau:

	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
Quá hạn trên 02 năm đến 03 năm	-	2.332.607.779
Quá hạn trên 03 năm	476.515.000	-
<b>Cộng</b>	<b>476.515.000</b>	<b>2.332.607.779</b>

#### **4b. Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Tập đoàn gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Rủi ro thanh khoản của Tập đoàn chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Tập đoàn quản lý rủi ro thanh khoản thông qua các biện pháp: thường xuyên theo dõi các yêu cầu về thanh toán hiện tại và dự kiến trong tương lai để duy trì một lượng tiền cũng như các khoản



## CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Số 26-27, lô I, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất** (tiếp theo)

vay ở mức phù hợp, giám sát các luồng tiền phát sinh thực tế với dự kiến nhằm giảm thiểu ảnh hưởng do biến động của luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính phi phái sinh (không bao gồm lãi phải trả) dựa trên thời hạn thanh toán theo hợp đồng và chưa được chiết khấu như sau:

	<b>Từ 1 năm trở xuống</b>	<b>Trên 1 năm đến 5 năm</b>	<b>Cộng</b>
<b>Số cuối năm</b>			
Vay và nợ	1.441.557.558.344	941.082.575.483	2.382.640.133.827
Phải trả người bán	1.340.835.622.492	1.471.578.982.217	2.812.414.604.709
Các khoản phải trả khác	522.640.384.817	5.970.343.034	528.610.727.851
<b>Cộng</b>	<b>3.305.033.565.653</b>	<b>2.418.631.900.734</b>	<b>5.723.665.466.387</b>
<b>Số đầu năm</b>			
Vay và nợ	646.314.865.781	516.844.951.921	1.163.159.817.702
Phải trả người bán	2.646.659.200.135	-	2.646.659.200.135
Các khoản phải trả khác	825.435.853.073	5.980.230.391	831.416.083.464
<b>Cộng</b>	<b>4.118.409.918.989</b>	<b>522.825.182.312</b>	<b>4.641.235.101.301</b>

Ban Tổng Giám đốc Công ty cho rằng mức độ rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Tập đoàn có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn. Tập đoàn có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn và các khoản vay đến hạn trong vòng 12 tháng có thể được gia hạn với các bên cho vay hiện tại.

#### 4c. **Rủi ro thị trường**

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường.

Rủi ro thị trường liên quan đến hoạt động của Tập đoàn gồm: rủi ro lãi suất, rủi ro về giá chứng khoán và rủi ro giá hàng hóa, nguyên vật liệu.

Các phân tích về độ nhạy, các đánh giá dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 và ngày 31 tháng 12 năm 2014 trên cơ sở giá trị nợ thuần. Mức thay đổi của lãi suất và giá chứng khoán sử dụng để phân tích độ nhạy được dựa trên việc đánh giá khả năng có thể xảy ra trong vòng một năm tới với các điều kiện quan sát được của thị trường tại thời điểm hiện tại.

##### *Rủi ro lãi suất*

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Tập đoàn chủ yếu liên quan đến các khoản vay ngắn hạn và dài hạn có lãi suất thả nổi.

Tập đoàn quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để đưa ra các quyết định hợp lý trong việc chọn thời điểm vay và kỳ hạn vay thích hợp nhằm có được các lãi suất có lợi nhất cũng như duy trì cơ cấu vay với lãi suất thả nổi và cố định phù hợp.

Tập đoàn có các khoản vay có lãi suất thả nổi tại ngày kết thúc năm tài chính là 1.895.656.787.857 VND (số đầu năm là 1.163.159.817.702 VND).

## CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Số 26-27, lô I, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất** (tiếp theo)

Tại ngày kết thúc năm tài chính, với giả định các biến số khác không thay đổi, nếu lãi suất các khoản vay VND có lãi suất thả nổi tăng/giảm 2% thì lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu năm nay của Tập đoàn sẽ giảm/tăng 29.572.245.891 VND (năm trước giảm/tăng 18.145.293.156 VND).

#### *Rủi ro về giá chứng khoán*

Các chứng khoán do Tập đoàn nắm giữ có thể bị ảnh hưởng bởi các rủi ro về giá trị tương lai của chứng khoán đầu tư. Tập đoàn quản lý rủi ro về giá chứng khoán bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư và đa dạng hóa danh mục đầu tư.

Giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết của Tập đoàn tại ngày kết thúc năm tài chính là 3.903.381.000 VND (số đầu năm là 2.732.366.700 VND).

Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá mức độ ảnh hưởng do biến động của giá chứng khoán đến lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Tập đoàn là không đáng kể.

#### *Rủi ro về giá hàng hóa, nguyên vật liệu*

Tập đoàn có rủi ro về sự biến động của giá hàng hóa, nguyên vật liệu. Tập đoàn quản lý rủi ro về giá hàng hóa, nguyên vật liệu bằng cách theo dõi chặt chẽ các thông tin và tình hình có liên quan của thị trường nhằm quản lý thời điểm mua hàng, kế hoạch sản xuất và mức hàng tồn kho một cách hợp lý.

Tập đoàn chưa sử dụng các công cụ phái sinh đảm bảo để phòng ngừa các rủi ro về giá hàng hóa, nguyên vật liệu.

#### **4d. Tài sản đảm bảo**

Tập đoàn thế chấp khoản tiền gửi có kỳ hạn để đảm bảo cho khoản vay của Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Bình Dương (xem thuyết minh số V.1 và V.22b). Giá trị sổ sách của tài sản thế chấp tại ngày kết thúc năm tài chính là 2.000.000.000 VND.

Ngoài ra, Tập đoàn không có nhận tài sản thế chấp từ các đơn vị khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2014.

### **5. Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính**

#### ***Tài sản tài chính***

Giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính như sau:

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Tiền và các khoản tương đương tiền	29.687.480.920	-	32.262.470.401	-
Chứng khoán kinh doanh	4.893.028.550	(989.647.550)	4.893.028.550	(2.160.661.850)
Phải thu khách hàng	1.222.256.343.679	(12.104.157.603)	1.277.767.282.397	(8.314.255.593)
Các khoản phải thu khác	13.826.700.068	(604.325.204)	7.526.574.749	(302.162.602)
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	53.460.000.000	(32.718.254)	53.460.000.000	(32.718.254)
<b>Cộng</b>	<b><u>1.324.123.553.217</u></b>	<b><u>(13.730.848.611)</u></b>	<b><u>1.375.909.356.097</u></b>	<b><u>(10.809.798.299)</u></b>

#### ***Nợ phải trả tài chính***

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả người bán	2.812.414.604.709	2.646.659.200.135	2.812.414.604.709	2.646.659.200.135

## CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Số 26-27, lô I, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất** (tiếp theo)

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay và nợ	2.382.640.133.827	1.163.159.817.702	2.382.640.133.827	1.163.159.817.702
Các khoản phải trả khác	528.610.727.851	831.416.083.464	528.610.727.851	831.416.083.464
<b>Cộng</b>	<b>5.723.665.466.387</b>	<b>4.641.235.101.301</b>	<b>5.723.665.466.387</b>	<b>4.641.235.101.301</b>

#### Giá trị hợp lý

Tập đoàn chưa xác định được giá trị hợp lý của các tài sản tài chính do Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009 của Bộ Tài chính cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể.

#### 6. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính có ảnh hưởng trọng yếu cần phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

Bình Dương, ngày 20 tháng 02 năm 2016

		
<b>Huỳnh Thị Ánh Tuyết</b> Người lập biểu	<b>Lý Thị Bình</b> Kế toán trưởng	<b>Đoàn Văn Thuận</b> Tổng Giám đốc



## CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Số 26-27, lô I đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

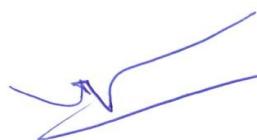
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015


Phụ lục 01: Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Cộng
Số dư đầu năm trước	1.000.000.000.000	1.841.123.840	4.907.875.019	42.380.863.662	156.572.528.970	42.131.511.921	1.247.833.903.412
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	-	116.642.531.344	(3.924.686.014)	112.717.845.330
Phân phối các quỹ	-	-	-	350.983.345	(11.169.315.258)	-	(10.818.331.913)
Chia cổ tức	-	-	-	-	(140.000.000.000)	(1.658.225.458)	(141.658.225.458)
Tăng vốn trong năm	-	-	3.136.536.000	-	(4.021.200.000)	-	(884.664.000)
Tăng (Giảm) khác	-	-	-	-	1.052.851.235	1.755.676.978	2.808.528.213
<b>Số dư cuối năm trước</b>	<b>1.000.000.000.000</b>	<b>1.841.123.840</b>	<b>8.044.411.019</b>	<b>42.731.847.007</b>	<b>119.077.396.291</b>	<b>38.304.277.427</b>	<b>1.209.999.055.584</b>
Số dư đầu năm nay	1.000.000.000.000	1.841.123.840	8.044.411.019	42.731.847.007	119.077.396.291	38.304.277.427	1.209.999.055.584
Lợi nhuận trong năm nay	-	-	-	-	107.292.213.195	1.742.361.422	109.034.574.617
Phân phối các quỹ	-	-	-	205.539.854	(8.336.757.387)	-	(8.131.217.533)
Chia cổ tức trong năm nay	-	-	-	-	(100.000.000.000)	(1.525.338.000)	(101.525.338.000)
Giảm do Công ty mẹ đầu tư thêm vốn	-	-	-	-	-	(11.159.596.314)	(11.159.596.314)
Giảm khác	-	-	-	-	(413.555.315)	(1.983.224.195)	(2.396.779.510)
<b>Số dư cuối năm nay</b>	<b>1.000.000.000.000</b>	<b>1.841.123.840</b>	<b>8.044.411.019</b>	<b>42.937.386.861</b>	<b>117.619.296.784</b>	<b>25.378.480.340</b>	<b>1.195.820.698.844</b>





Huỳnh Thị Ánh Tuyết  
Người lập biểu



Lý Thị Bình  
Kế toán trưởng

Bình Dương, ngày 20 tháng 02 năm 2016

Đoàn Văn Thuận  
Tổng Giám đốc

**CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG**

Địa chỉ: Số 26-27, Lô I Đường Đồng Khởi, Phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Phụ lục 02: Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh**

Đơn vị tính: VND

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn như sau:

	<b>Lĩnh vực thương mại, dịch vụ</b>	<b>Lĩnh vực sản xuất</b>	<b>kinh doanh bất động sản</b>	<b>Các khoản loại trừ</b>	<b>Cộng</b>
<b>Năm nay</b>					
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	166.698.615.507	504.046.030.123	890.844.273.544	-	1.561.588.919.174
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ	-	-	-	-	-
<b>Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>166.698.615.507</b>	<b>504.046.030.123</b>	<b>890.844.273.544</b>	<b>-</b>	<b>1.561.588.919.174</b>
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	16.605.375.869	60.573.271.463	252.447.541.180	-	329.626.188.512
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận					(53.188.580.423)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh					276.437.608.089
Doanh thu hoạt động tài chính					9.631.916.505
Chi phí tài chính					(141.878.758.280)
Phân lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết					580.435.853
Thu nhập khác					10.388.481.982
Chi phí khác					(5.670.344.379)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành					(40.047.821.449)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại					(406.943.704)
<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>					<b>109.034.574.617</b>
<b>Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác</b>	<b>-</b>	<b>16.175.787.423</b>	<b>4.009.181.372</b>	<b>-</b>	<b>20.184.968.795</b>
<b>Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn</b>	<b>1.058.004.624</b>	<b>33.900.455.067</b>	<b>9.030.600.494</b>	<b>-</b>	<b>43.989.060.185</b>
<b>Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG**

Địa chỉ: Số 26-27, Lô I Đường Đồng Khởi, Phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Phụ lục 02: Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (tiếp theo)**

	<b>Lĩnh vực thương mại, dịch vụ</b>	<b>Lĩnh vực sản xuất</b>	<b>kinh doanh bất động sản</b>	<b>Các khoản loại trừ</b>	<b>Cộng</b>
<b>Năm trước</b>					
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	315.634.785.990	236.909.754.710	1.193.475.894.954	-	1.746.020.435.654
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ <i>Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</i>	- <b>315.634.785.990</b>	- <b>236.909.754.710</b>	- <b>1.193.475.894.954</b>	-	- <b>1.746.020.435.654</b>
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	20.323.762.457	31.935.219.650	197.454.025.313	-	249.713.007.420
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận					(56.231.948.567)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh					193.481.058.853
Doanh thu hoạt động tài chính					5.424.680.374
Chi phí tài chính					(62.180.746.123)
Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết					103.428.732
Thu nhập khác					20.215.703.499
Chi phí khác					(7.100.046.339)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành					(35.668.494.293)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại					(1.557.739.374)
<i>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</i>					<b>112.717.845.329</b>
<i>Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác</i>	-	<b>159.490.139.573</b>	<b>15.720.610.204</b>	-	<b>175.210.749.777</b>
<i>Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn</i>	<b>338.642.481</b>	<b>33.996.870.227</b>	<b>11.825.026.182</b>	-	<b>46.160.538.890</b>
<i>Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)</i>	-	-	-	-	-

# CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Số 26-27, Lô I Đường Đồng Khởi, Phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

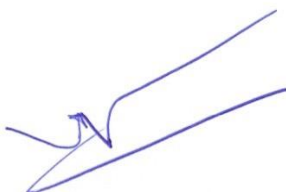
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

### Phụ lục 02: Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh


Đơn vị tính: VND

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn như sau:

	<u>Lĩnh vực thương mại, dịch vụ</u>	<u>Lĩnh vực sản xuất</u>	<u>Lĩnh vực xây dựng, kinh doanh bất động</u>	<u>Các khoản loại trừ</u>	<u>Cộng</u>
<b>Số cuối năm</b>					
Tài sản trực tiếp của bộ phận	<u>244.540.548.409</u>	<u>285.924.698.977</u>	<u>6.389.548.915.836</u>	<u>-</u>	<u>6.920.014.163.221</u>
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận					<u>434.218.418.633</u>
<b>Tổng tài sản</b>					<b><u>7.354.232.581.854</u></b>
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	<u>433.364.283.379</u>	<u>158.372.093.810</u>	<u>4.725.851.545.098</u>	<u>-</u>	<u>5.317.587.922.287</u>
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận					<u>840.823.960.723</u>
<b>Tổng nợ phải trả</b>					<b><u>6.158.411.883.010</u></b>
<b>Số đầu năm</b>					
Tài sản trực tiếp của bộ phận	<u>61.080.441.059</u>	<u>417.061.918.265</u>	<u>5.456.738.912.461</u>	<u>-</u>	<u>5.934.881.271.785</u>
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận					<u>313.814.489.212</u>
<b>Tổng tài sản</b>					<b><u>6.248.695.760.997</u></b>
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	<u>341.163.164.970</u>	<u>200.030.191.307</u>	<u>3.175.662.952.173</u>	<u>-</u>	<u>3.716.856.308.450</u>
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận					<u>1.321.840.396.963</u>
<b>Tổng nợ phải trả</b>					<b><u>5.038.696.705.413</u></b>



Huỳnh Thị Ánh Tuyết  
Người lập biểu

  
Lý Thị Bình  
Kế toán trưởng

Bình Dương, ngày 20 tháng 02 năm 2016

  
Đoàn Văn Thuận  
Tổng Giám đốc